

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN

**TRƯỜNG THCS THANH AM**

-----🙞🙜🕮🙞🙜-----



 **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP**

**GIỮA HỌC KÌ II**

**KHỐI 9**

**HỌC SINH :**

**LỚP :**

*Năm học 2023 – 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM** | **HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II****MÔN TOÁN 9****Năm học 2023 – 2024** |

**A. LÝ THUYẾT:**

1. Đại số: - Chương III: hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn

- Chương IV: Hàm số y = ax2

2. Hình học: - Chương III : góc với đường tròn, tứ giác nội tiếp

**B. BÀI TẬP:**

**Bài 1.**Giải hệ phương trình sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1)  | 2)  | 3)  | 4)  |
| 5) | 6)  | 7)  | 8)  |

**Bài 2.**Cho hệ phương trình 

1) Giải hệ phương trình khi m = 0

2) Tìm m để hệ phương trình có nghiệm duy nhất (x, y) mà x = y

**Bài 3.** Cho hệ phương trình 

1) Giải hệ phương trình với m = 2

2) Tìm m để hệ phương trình có nghiệm duy nhất (x; y) thỏa mãn x > 0; y > 0

**Bài 4.** Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình

1) Hai tổ sản xuất cùng làm một công việc thí sau 12 giờ thì xong. Nếu tổ I làm một mình trong 2 giờ; tổ II làm một mình trong 7 giờ thì cả hai tổ làm xong một nửa công việc. Tính thời gian mỗi tổ làm một mình xong công việc?

2) Một ô tô đi quãng đường AB với vận tốc 50km/h, rồi đi tiếp quãng đường BC với vận tốc 45km/h. Biết tổng chiều dài quãng đường AB và BC là 165km và thời gian ô tô đi quãng đường AB ít hơn thời gian ô tô đi quãng đường BC là 30ph. Tính thời gian ô tô đi trên mỗi quãng đường?

3) Trong tháng thứ nhất hai tổ công nhân của một xí nghiệp dệt được 800 tấm thảm len. Tháng thứ hai tổ I vượt mức 15%, tổ 2 vượt mức 20% nên cả hai tổ dệt được 945 tấm thảm len. Tính xem trong tháng thứ hai mỗi tổ đã dệt được bao nhiêu tấm thảm len?

4) Một số tự nhiên có hai chữ số, tổng các chữ số của nó là 16, nếu đổi chỗ hai chữ số cho nhau được một số lớn hơn số đã cho là 18 đơn vị. Tìm số đã cho.

5) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 34m. Nếu tăng thêm chiều dài 3m và chiều rộng 2m thì diện tích tăng thêm 45m2. Hãy tính chiều dài, chiều rộng của mảnh vườn.

**Bài 5.** Cho hàm số y = x2 có đồ thị là parabol (P) và hàm số y = x+ 2 có đồ thị là đường thẳng d

1) Vẽ đồ thị hai hàm số trên cùng một hệ trục tọa độ

2) Tìm tọa độ giao điểm A, B của d với (P) bằng phép tính

**Bài 6.** Cho đường tròn (O) và một điểm A nằm ngoài đường tròn. Từ A kẻ tiếp tuyến AB với đường tròn (O) (B là tiếp điểm) và cát tuyến ADE (AD < AE, B nằm trên cung lớn DE). Hạ OH vuông góc với DE tại H.

1) Chứng minh ABOH là tứ giác nội tiếp

2) Chứng minh AB. BE = AE. BD

3) Kẻ đường kính BC, qua E kẻ đường thẳng d // OA, d cắt BC tại K. Chứng minh HK // DC.

**Bài 7.** Cho đường tròn (O; R) và đường thẳng d không có điểm chung với đường tròn. Gọi M là điểm thuộc đường thẳng d. Qua M kẻ hai tiếp tuyến MA, MB tới đường tròn. Hạ OH  d tại H. Nối AB cắt OH tại K, cắt OM tại I. Tia OM cắt (O) tại E;

1) Chứng minh bốn điểm A, O, B, M thuộc một đường tròn;

2) Chứng minh OK. OH = OI. OM;

3) Chứng minh E là tâm đường tròn nội tiếp tam giác MAB;

**Bài 8.**Cho đường tròn (O; R). Từ điểm A nằm ngoài đường tròn (O), kẻ hai tiếp tuyến AM, AN tới đường tròn ( M, N là các tiếp điểm). Một đường thẳng d đi qua A, cắt (O) tại B và C (AB < AC). Gọi I là trung điểm của BC. Đường thẳng qua B, song song với AM cắt MN tại E

1) Chứng minh năm điểm A, M, O, I, N cùng thuộc một đường tròn;

2) Chứng minh AB. AC = AM2;

3) Chứng minh IE // MC.

**Bài 9:** Bạn An vô tình làm rơi một quả bóng từ tầng 30 của tòa chung cư. Biết độ cao từ nơi bạn An làm rơi trái bóng đến mặt đất là 80m. Quãng đường chuyển động s (m) của trái bóng khi rơi phụ thuộc vào thời gian t (giây) được cho bởi công thức s = 5t2

1) Hỏi sau 3 giây thì trái bóng cách mặt đất bao nhiêu m?

2) Hỏi sau bao lâu kể từ lúc bạn An làm rơi thì trái bóng chạm mặt đất.

Giả sử trái bóng rơi theo phương thẳng đứng, bỏ qua mọi lực tác động của môi trường.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ban giám hiệu****Trần Thị Thanh Hà** | **Tổ/ nhóm CM****Khổng Thu Trang** | **Nhóm toán 9****Nguyễn Thế Mạnh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Năm học 2023-2024** |

**I. Nội dung**

Nội dung chính:

*\* Chủ đề: Sự phân hóa lãnh thổ.*

- Vùng Đông Nam Bộ.

- Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**II. Hình thức kiểm tra:** 100% trắc nghiệm.

**III. Hệ thống câu hỏi:**

**Câu 1*.*** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức hãy đã học, giải thích vì sao vùng Đông Nam Bộ trở thành vùng sản xuất cây công nghiệp lớn của cả nước?

**Câu 2**.Giải thích vì sao Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển mạnh kinh tế biển.

**Câu 3.** Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy trình bày phạm vi lãnh thổ và nêu ý nghĩa vị trí địa lí của Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 4*.*** Tại vấn đề nước ngọt có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong việc cải tạo tự nhiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **BGH** |  **TỔ, NHÓM CM** |
| **Trần Thị Thanh Hà** |  **Nguyễn Thị Bích Trần Thị Linh** |
|  |  |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM** | **HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Năm học 2023-2024** |

**Câu 1:**

      + Đất bazan khá màu mỡ và đất xám bạc trên phù sa cổ, thuận lợi phát triển cây công nghiệp quy mô lớn.

      + Khí hậu cận xích đạo, nóng quanh năm, thuận lợi cho việc trồng nhiều loại cây công nghiệp nhiệt đới cho năng suất cao và ổn định

      + Tài nguyên nước khá phong phú, đặc biệt là hệ thống sông Đồng Nai

      + Nguồn nhân lực khá dồi dào, Người dân có tập quán và kinh nghiệm sản xuất công nghiệp.

      + Nhiều cơ sở chế biến sản phẩm cây công nghiệp

      + Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kĩ thuật phục vụ nông nghiệp tương đối hoàn thiện. Đã xây dựng được nhiều công trình thủy lợi, phục vụ nông nghiệp (Công trình thủy lợi Dầu Tiếng trên thượng nguồn sông Sài Gòn (tỉnh Tây Ninh), dự án thủy lợi Phước Hòa (Bình Dương – Bình Phước); có nhiều trạm, trại nghiên cứu sản xuất giống cây công nghiệp, có các cơ sở sản xuất, tư vấn, và bán các sản phẩm phân bón, thuốc trừ sâu, giao thông vận tải phát triển)

      + Thị trường xuất khẩu lớn.

      + Có các chương trình hợp tác đầu tư với nước ngoài về phát triển cây công nghiệp.

**Câu 2**. Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển mạnh kinh tế biển do:

- Biển ấm, ngư trường rộng, hải sản phong phú.

- Gần đường hàng hải quốc tế.

- Thềm lục địa nông, rộng, nhiều cảnh đẹp, giàu tiềm năng dầu khí.

🡪 Phát triển tổng hợp kinh tế biển: Nuôi trồng đánh bắt thủy sản, giao thông đường biển, khai thác dầu khí ở thềm lục địa, du lịch biển và các dịch vụ khác.

**Câu 3.**

*\* Phạm vi lãnh thổ của Đồng bằng sông Cửu Long:*

- Phía tây giáp Đông Nam Bộ.

- Phía bắc giáp Campuchia,

- Phía đông nam giáp Biển Đông.

- Phía tây nam giáp vịnh Thái Lan (một bộ phận của Biển Đông).
*\* Ý nghĩa vị trí địa lí của đồng bằng sông Cửu Long:*- Liền kề với Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển năng động nhất cả nước, là nơi tiêu thụ sản phẩm và sử dụng lao động của vùng.
- Giáp với Campuchia thuận lợi giao lưu, trao đổi kinh tế, văn hóa với các nước tiểu vùng sông Mê Công.
- Đường bờ biển dài, vùng biển rộng lớn thuận lợi phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- Ở cực nam của đất nước, có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới quanh năm, đặc biệt là trồng lúa nước và các cây ăn quả nhiệt đới.

**Câu 4*.****Nước ngọt có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong việc cải tạo tự nhiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì:*

- Vùng có mùa khô kéo dài, gây thiếu nước đối với sản xuất.

- Diện tích đất chua, đất mặn lớn.

- Góp phần thau chua rửa mặn, cải tạo đất.

- Cung cấp nước cho sản xuất, tăng diện tích đất canh tác, tăng hệ số sử dụng đất từ đó tăng sản lượng lương thực.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD VÀ ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II****Môn: Tiếng Anh 9****Năm học: 2023- 2024** |

**I. Topics:**

 Recipes and eating habits; Tourism; English in the world

**II. Vocabulary**

|  |  |
| --- | --- |
| Recipes and eating habits; Tourism ; English in the world |  |

 **III. Grammar**

**1. A-an-some-any:**

**a.        A/ an**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cách dùng** | “a” và “an” (một) là hai mạo từ được dùng cho danh từ đếm được số ít. “a” đứng trước phụ âm, “an” đứng trước nguyên âm  |
| **Ví dụ** | - There is a cat. - There isn’t a house. - Is there an egg?  |

**b.        Some / Any**

|  |  |
| --- | --- |
| **Some ( một vài, một ít)** | **Any (nào)** |
| “Some” được dùng trong câu khẳng định và lời mời, yêu cầu.*Ví dụ*: Would you like some tea? | “Any” được dùng trong câu phủ định và câu hỏiVí dụ: Do you have any pens? |
| “Some” đứng trước danh từ không đếm được hoặc danh từ đếm được số nhiều.*Ví dụ*:  There are some butter. There are some eggs. | “Any” đứng trước danh từ không đếm được hoặc danh từ đếm được số nhiều.*Ví dụ*:There isn't any butter. Are there any eggs?  |

**2.        Quantifiers**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A teaspoon of honey  | A cup of soda | A tin of sardine |
| A tablespoon of sugar | A bottle of wine | *A piece of bread* |
| A pot of jam  | A carton of cookies | A kilo of rice |
| A slice of bread | A glass of beer | a leaf of lettuce |
| A bowl of soup | A drop of oil | A bag of pepper |
| A pinch of salt | A stick of celery | A bunch of banana |
| A head of cabbage | A handful of cherry tomatoes  | A loaf of bread |
| A clove of garlic | A little of water | A pitcher of lemonade  |

**3. Modal verbs in conditional sentences type 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chức năng** | **Dùng để diễn tả 1 hành động có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai.** |
| **Cấu trúc** | If + S + V(s/es) + (bổ ngữ), S+ will + V nguyên mẫu + (bổ ngữ)       (***thì hiện tại đơn)                 (thì tương lai đơn)*** |
| **Ví dụ** | If I have money, I will buy a new computer.If you work hard, you will make a lot of money. |

**Động từ khuyết thiếu trong câu điều kiện loại 1.**

Trong mệnh đề IF sử dụng thì hiện tại đơn và mệnh đề chính sử dụng “will + V nguyên mẫu”

Tuy nhiên thay vì dùng “will” ta có thể dùng các động từ khuyết thiếu khác như: **can,must, might, may hoặc should** trong mệnh đề chính để diễn đạt khả năng, sự cho phép, lời khuyên, sự cần thiết...

|  |  |
| --- | --- |
| **Động từ khuyết thiếu trong câu điều kiện loại 1** | **Ví dụ** |
| **may/might** (sự có thể) | If you ask George, he may/ might beable to help you.If you drop that glass, it might break. |
| **can/may** (sự cho phép) | You can/may leave the room if you have finished the test.If you finish your homework, you can watch TV. |
| **must**(sự tuân theo/sự cần thiết) | If he doesn’t come soon, we must leave without him.You must/ have to study hard if you want to  pass the exam, |
| **should** ((lời khuyên) | If you ever go to Chicago, you should take a boat trip on the river.If he calls you, you should go. |
| **can** (khả năng) | She can learn to become a good cook if she tries hard.If I have money, I can spend it. |

**3. Articles: other uses**

**a. A/AN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cách dùng** | **Ví dụ** |
| Dùng “**a**” hoặc “**an**” trước một danh từ số ít đếm được. để chỉ một người,một vật được đề cập đến lần đầu, người nghe không biết chính xác hoặc chưa từng biết về người hay vật đó. | I saw a boy in the street. |
| “**a, an**” dùng trước danh từ đếm được số ít , để chỉ 1 người,1 vật nói chung,có tính khái quát,nêu 1 thành viên bất kì của 1 loại. | An owl can see in the dark. =Owls can see in the dark. |

**b. THE**

Mạo từ xác định “The” được dùng cho tất cả các danh từ: danh từ đếm được số ít, danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được. **Ví dụ, the boy,the boys, the food…**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cách dùng** | **Ví dụ** |
| “ **The**” được dùng trước danh từ chỉ người/vật đã xác định cụ thể hoặc đã được đề cập tới trước đó- người nghe hiểu người nói về người/vật nào. | -Did you lock the car? -His car struck a tree, you can still see the mark on the tree.  |
| “ **the**” được dùng để nói đến 1 vật cụ thể, 1 nhóm người/vật cụ thể. | The cars in this parking lot belong to people who work here. -The sugar on the table is from Cuba.  |
| “ **the**” dùng trước danh từ chỉ vật là duy nhất,vật gì đó chỉ có một trong môi trường quanh ta: **the earth, the sun, the moon, the world, the equator, the Prime Minister, the capital, the universe,  the environment…** | -The earth goes around the sun, and the moon goes around the earth.- Madrid is the capital of Spain. |
| “ **the**” được dùng để ám chỉ tới thế giới xung quanh ta hoặc những thứ chúng ta đều biết. | -We had a sightseeing tour around **the city**.- Life would be quieter without **the telephone**.  |
| “ **the**” đứng trước tên các quốc gia có từ “ **Republic, State,Kingdom, Union**” hoặc tên các quốc gia ở số nhiều. | -The United States, the Philippines, The United Kingdom, the Dominican Republic, the Netherlands… |
| “ **The**” đứng trước tên các đại dương, sông ngòi, kênh đào, nhóm hồ, quần đảo, dãy núi, biển. | -Đại dương: The Pacific ( Ocean), The Alantic ( Ocean), the Indian (Ocean)…-Biển: The Red Sea, the Black Sea, the Baltic…- Sông: The River Nile, the Volga, the Thames, the Amazon…- Kênh đào: The Panama Canal…- Nhóm hồ,quần đảo: The Great Lakes, The British Isles…- Dãy núi: The Rocky Mountain, The Himalayas, the Andes, The Alps… |

**c. Zero article**

|  |  |
| --- | --- |
| Không dùng mạo từ với danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được khi nói về những thứ chung chung | Passwords protect our personal information.Cars have wheels. *(xe hơi nói chung)*Tigers are in danger of becoming extinct. |
| Không dùng mạo từ với các bữa ăn, tháng, thứ, mùa, dịp đặc biệt của năm. | See you on Thursday.I started the course in January.My country is lovely in Spring.I visit my grandparents on New Year’s Day. |
| Không dùng mạo từ với hầu hết tên người hoặc tên địa điểm ( hầu hết tên quốc gia, tiểu bang, lục địa, thành phố, thị trấn). | Lục địa:  Africa, Europe, Asia.Quốc gia:  France, Japan, New Zealand.Tiểu bang: Texas, Floria, CaliforniaThành phố,thị trấn: New York, Bristol, Cairo. |
| Không dùng mạo từ với các khu vực, hồ, núi, đồi, đảo. | Hồ: Lake Geneva, Lake MichiganĐảo: Bereca, Sicily.Núi: Mount Everest.Đồi: North Hill |

**4. Conditional sentence type 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chức năng** | -Dùng để diễn tả sự việc không thể xảy ra ở hiện tại, điều kiện chỉ là giả thiết, một điều trái ngược với thực ttế hiện tại.-Dùng để đưa ra lời khuyên. |
| **Cấu trúc** | **If + S + V2/ Ved+O , S +would/ could/ might…+ V1****(Thì quá khứ đơn)** |
| **Ví dụ** | **If I were a bird, I would be very happy.****If I had a million dollars, I would buy that car.** |

**5. Relative clause**

**a. Định nghĩa mệnh đề quan hệ (MĐQH)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Định nghĩa** | - Mệnh đề quan hệ (mệnh đề tính từ) là một loại mệnh đề phụ thuộc, được bắt đầu bằng các đại từ quan hệ: ***who, whom, which, that, whose*** hay những trạng từ quan hệ: ***why, when, where***- Mệnh đề quan hệ dùng để bổ nghĩa cho danh từ đứng trước nó trong mệnh đề chính của câu hay để chỉ rõ người/vật đang nói đến. |
| **Ví dụ** | ***I told you about the woman who lives next door.*** |

**b. Các loại đại từ quan hệ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đại từ** | **Cách dùng** | **Ví dụ** |
| **WHO** | - Thay thế cho danh từ chỉ người đứng trước nó- Làm chủ ngữ trong MDQH….N(person)+ WHO+V+ O | The girl who is standing there is Ann |
| **WHOM** | - Thay thế cho danh từ chỉ người, làm tân ngữ cho động từ trong MĐQH…N(person )+ WHOM +S +V- Chú ý: “ who” có thể thay thế cho “whom”, nhưng “ whom” không thể that thế cho “who” | Is she the girl whom you are waiting for? |
| **WHICH** | - Thay thế cho danh từ chỉ vật, sự việc, con thú- Làm chỉ ngữ hoặc tân ngữ trong MĐQH…N(thing)+ WHICH + V + O….N(thing)+ WHICH+ S+ V | The book which is on the table is beautifulThe dress which she is wearing is beautiful |
| **THAT** | - Có thể thay thế cho vị trí của Who, Whom, WhichTHAT= WHO/ WHOM/ WHICH trong mệnh đề quan hệ xác định - Thay thế cho chủ ngữ hỗn hợp cả người và sự vật- Không dùng trong mệnh đề quan hệ ko xác định ( loại có dấu phẩy)  | The pen that is on the desk is expensiveThe students and their dogs that are over there are going on a fieldtrip |
| **WHOSE** | - Dùng để chỉ sở hữu cho danh từ chỉ người hoặc vật, thường thay cho các tính từ sở hữu: his, her, their… hoặc hình thức sở hữu cách ‘s….N( person, thing) + WHOSE+ N+V- Chú ý: Whose chỉ đứng giữa hai danh từ. Whose không đứng trước động từ trong MĐQH | The dog whose hair is brown belongs to me |

**c. Các loại trạng từ quan hệ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trạng từ** | **Cách dùng** | **Ví dụ** |
| **WHY** | - Mở đầu cho MĐQH chỉ lý do, thường thay cho cụm “ for the reason, for that reason”…N(reason) + WHY + S+ V… | I don’t know the reason. You didn’t go to school for that reason⇨I don’t know the reason why you didn’t go to school |
| **WHERE** | - Thay thế từ chỉ nơi chốn : **in/ at / on+ địa điểm** và “ **there**”…N(place) + WHERE+ S +V( WHERE= ON/ IN/AT + WHICH ) | The hotel wasn’t very clean. We stayed at that hotel.⇨The hotel where we stayed wasn’t very clean |
| **WHEN** | - Thay thế từu chỉ thười gian như “ time, moment, day, period, summer…” thường thay cho từ “then”N(time) + WHEN + S+ V( WHEN= ON/ IN/ AT + WHICH ) | I don’t know the time. She will come back then⇨I don’t know the time when she will come back- Do you still remember the day when we first met?⇨Do you remember the day when we first met?⇨Do you remember the day on which we first met?/ Do you remember the day which we first met on? |

**d. Giới từ trong Mệnh đề quan hệ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cách dùng** | **Ví dụ** |
| Nếu trong MĐQH có giới từ có thể đặt trước hoặc sau đại từ quan hệ ( chỉ áp dụng với whom và which)Nếu MĐQH bắt đầu bằng đại từ quan hệ “ who, that” giới từ bắt buộc phải đặt sau, KHÔNG được đặt trước | -Mr Brown, with whom we studied last year, is a nice teacher⇨Mr Brown, whom we studied with last year, is a nice teacher |

**IV. Exercises**

**Exercise 1: Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others.**

1. A. staple B. habit C. gravy D. grate
2. A. fresh B. tender C. celery D. versatile
3. A. slice B. marinate C. sprinkle D. whisk
4. A. recipes B. prawns C. salads D. ingredients
5. A. clove B. curry C. celery D. cabbage
6. A. resort B. seaside C. safari D. sightseeing
7. A. shortage B. luggage C. package D. landscape
8. A. country B. enough C. tourist D. touchdown
9. A. explored B. relaxed C. tanned D. delayed
10. A. experience B. exciting C. expedition D. explore
11. A. continent B. openness C. operate D. dominant
12. A. fluency B. punctual C. rusty D. multinational
13. A. Chinese B. speech C. technical D. touchdown
14. A. simplified B. varied C. mastered D. immersed
15. A. bilingual B. dialect C. derivative D. profile

**Exercise 2: Choose the word that has the main stress placed differently from the others.**

1. A. shallot B. sprinkle C. puree D. recipe
2. A. arrangement B. nutrition C. ingredient D. versatile
3. A. onion B. lasagne C. cucumber D. marinate
4. A. vegetable B. sashimi C. delicious D. tomato
5. A. unacceptable B. individual C. characteristic D. irresponsible
6. A. promote B. narrow C. broadcast D. sightsee
7. A. pyramid B. historic C. stimulating D. breathtaking
8. A. erosion B. souvenir C. stalagmite D. safari
9. A. magnificence B. available C. accessible D. speciality
10. A. cooperation B. expedition C. preservation D. underneath
11. A. official B. punctual C. fluency D. imitate
12. A. creation B. settlement C. dialect D. dominant
13. A. bilingual B. establishment C. derivative D. immigration
14. A. stupidity B. flexibility C. simplicity D. variety
15. A. popularity B. pronunciation C. university D. multinational

**Exercise 3: Choose the best answer a, b, c or d to complete the sentence.**

1. A healthy diet is essential \_\_\_\_\_\_\_\_ good health and nutrition.

 A. of B. in C. for D. towards

2. Then add some black pepper \_\_\_\_\_\_\_\_ the salad dressing.

 A. to B. on C. in D. with

3. If you \_\_\_\_\_\_\_\_ food, you crush it so that it almost turns into liquid.

 A. steam B. stir-fry C. grill D. puree

4. Adding a small \_\_\_\_\_\_\_\_ of salt to a cup of bitter coffee will help cut the bitterness.

 A. pinch B. cup C. bag D. handful

5. You \_\_\_\_\_\_\_\_ feel more energized if you reduce your salt intake.

 A. should B. may C. must D. would

6. A: Is there some butter I could use?

 B: No, there isn’t \_\_\_\_\_\_\_\_ butter, but some margarine.

 A. some B. any C. little D. few

7. Too much salt can lead to high blood pressure; \_\_\_\_\_\_\_\_ puts us at risk of stroke.

 A. what B. when C. which D. that

8. Recipes tell me to add one or two \_\_\_\_\_\_\_\_ of celery to a soup or stew.

 A. cloves B. slices C. bunches D. sticks

9. She added a potato to her overly salty soup \_\_\_\_\_\_\_\_ make it less salty.

 A. so that B. as a result of C. in order to D. so as not to

10. “I’ll make steak pie for dinner.” “ \_\_\_\_\_\_\_\_”

 A. I’d love to. B. You’re right. C. Please, do it. D. Great! I can’t wait.

11. He’s really \_\_\_\_\_\_\_ community tourism because he wants to experience local culture,

 A. of B. with C. onto D. into

12. I have \_\_\_\_\_\_\_ to four tourist attractions that need to be visited this year.

 A. pulled it down B. broken it out C. shrunk it from D. narrowed it down

13. Package tour isn’t my \_\_\_\_\_\_\_. I prefer independent travel.

 A. hot potatoes B. piece of cake C. cup of tea D. flesh and blood

14. I didn’t know that \_\_\_\_\_\_\_ Lake Michigan was one of the Great Lakes until last year.

 A. a B. an C. Ø D. the

15. My classmate, ................... I wanted to see, was on holiday.

 A. whom B. which C. that D. whose

16. That’s the old lady ................... husband won the Nobel Prize.

 A. whose B. who C. whom D. that

17. My friend, ................... hates traveling, refused to go with me to Ha Long Bay.

 A. who B. whose C. that D. whom

18. Edward, ................... father is my boss, has just moved to Paris.

 A. who B. which C. where D. whose

19. We climbed to the top of the mountain, ................... we had a picnic.

 A. that B. where C. which D. on where

20. He gave me the important information, ................... I noted down at once.

 A. which B. that C. what D. why

21. I told the policeman ................... had happened.

 A. that B. what C. where D. when

22. Your thesis wouldn’t get across if you used too many \_\_\_\_\_\_\_ terms in it.

 A. legal B. technical C. general D. specific

23. Chinese and English are both \_\_\_\_\_\_\_ languages of Hong Kong under the Hong Kong Basic Law.

 A. original B. foreign C. official D. first

24. Australian English is spoken as the \_\_\_\_\_\_\_ language by most people in Australia.

 A. foreign B. first C. second D. international

25. In China, Japan and Vietnam, English is spoken as a(n) \_\_\_\_\_\_\_ language.

 A. second B. foreign C. official D. primary

26. The college offers a five-week French \_\_\_\_\_\_\_ program in which the students will hear and use only French.

 A. massive B. literacy C. long-term D. immersion

27. Another feature is \_\_\_\_\_\_\_ of vocabulary that allows English to admit words freely from other languages and to create compounds and derivatives.

 A. flexibility B. dominance C. openness D. establishment

28. \_\_\_\_\_\_\_ to the United States have to pass a test of competence in English.

 A. Migrants B. Migration C. Immigration D. Immigrants

29. A \_\_\_\_\_\_\_ dictionary is a specialized dictionary used to translate words or phrases from one language to another.

 A. monolingual B. bilingual C. trilingual D. multilingual

30. Besides Spanish, her \_\_\_\_\_\_\_ tongue, she can also speak Portuguese and English.

 A. ancient B. foreign C. first D. mother

31. You will be fined heavily if you \_\_\_\_\_\_\_ the speed limit.

 A. have exceed B. are exceeding C. will exceed D. exceed

32. If John \_\_\_\_\_\_\_ hard, he could pass the examination.

 A. works B. worked C. has worked D. had worked

33. I can’t understand what he is saying. If he spoke clearly, I \_\_\_\_\_\_\_ more.

 A. will understand B. wouldn’t understand

 C. could understand D. didn’t understand

34. If the weather \_\_\_\_\_\_\_ fine tomorrow, we may go for a swim.

 A. is B. were C. will be D. would be

35. You will fail your exams if you \_\_\_\_\_\_\_ working harder.

 A. start B. will start C. don’t start D. didn’t started

36. If my modem \_\_\_\_\_\_\_ I would send you an email.

 A. broke down B. didn’t break down

 C. were broken down D. weren’t broken down

37.If you eat too quickly, you may not\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ attention to whether your hunger satisfied.

A**.** pay B. take C. keep D. show

38. If there \_\_\_\_\_\_\_ any water on the Earth, life \_\_\_\_\_\_\_.

 A. isn’t - will not begin B. was - would begin

 C. wasn’t - wouldn’t begin D. not be - won’t begin

39. If temperatures \_\_\_\_\_\_\_, forest fires \_\_\_\_\_\_\_ more frequent.

 A. rise - will become B. will rise - become

 C. rose - would become D. don’t rise - could become

40. If you \_\_\_\_\_\_\_ a plane to Neptune, it \_\_\_\_\_\_\_ nearly 290 years to get there.

 A. would fly - took B. flew - would take C. fly - will take D. will fly - can take

41. The article was about the different varieties \_\_\_\_\_\_ English spoken throughout the world,

 A. in B. of C. from D. among

42. Susan \_\_\_\_\_\_ a bit of Spanish when she was living in Mexico.

 A. looked up B. got by in C. picked up D. took in

43. English grammar is said to be difficult to learn \_\_\_\_\_\_ its countless rules and numerous exceptions to them.

 A. thanks to B. in spite of C. because of D. provided that

44. You don’t need to interrupt your reading to look up every unfamiliar word right away - it’s better to \_\_\_\_\_\_\_ first.

 A. master B. imitate C. translate D. guess

45. \_\_\_\_\_\_\_ education is the use of two different languages in classroom instruction.

 A. Vocational B. Bilingual C. Monolingual D. Cooperated

46. New York, \_\_\_\_\_\_\_ population reached 10 million by 1930, was the world’s first megacity.

 A. whose B. which C. where D. of which

47. Even though I spoke English, sometimes I didn’t understand the \_\_\_\_\_\_\_ of some areas because some words meant something else.

 A. accent B. pronunciation C. dialect D. derivative

48. The man with \_\_\_\_\_\_\_ I dined last night will be the next President of Bigfoot.

 A. whom B. who C. which D. that

49. \_\_\_\_\_\_\_, it was also adapting and absorbing vocabulary from elsewhere.

 A. Although English was spreading

 B. As English was spreading

 C. As long as English spread

 D. Because of the spread of English

50. You usually vegetables like onion. It means that you cut them into many small pieces.

 A. grate B. sprinkle C. chop D. whisk

**Exercise 4: Mark the letter A, B, C or D to indicate that underlined part that needs correction in each of the following questions.**

1. Her children are used to walk to school every day. They feel very excited.

 A B C D

2. Huy is only fourteen, but he seems enough old to stay out until ten o’lock.

 A B C D

3. On the way home, we saw a lot of men, women, and dogs which were playing in the park.

 A B C D

4. If you try these cosmetics, you look five years younger.

 A B C D

5. If you do not understand what were written in the book, you could ask Mr. Pike.

 A B C D

6. Sam will not graduate unless he doesn’t pass all the tests.

 A B C D

7. I enjoyed the book that you told me to read it

 A B C D

8. You need the visa to visit some foreign countries, but not all of them

 A B C D

9. Although being so tired, Alice still went to work on time

 A B C D

10. I've studied French since I have started high school.

A B **C** D

**Exercise 5: Choose the most suitable response to the statement:**

1. “He has to work 12 hours every day”. - “\_\_\_\_\_\_\_\_”

 A. Sure B. How cool

 C. I can’t imagine that D. I wish I could go back to that time

2. “What a beautiful dress you are wearing!” – “Thanks, it \_\_\_ especially for me by a French tailor”.

 A. is made B. has made C. made D. was made

3. **Mary:** “I think we should take a shower instead of a bath to save energy.”

 **John:** “.................................”

 A. Great! Don’t do that. B. That’s a good idea.

 C. Yes, will. D. Well done!

4. **Andrew:** “Congratulation on your winning!”

 **Bob**: “..................................”

 A. You’re welcome B. No, thanks.

 C. That’s very kind of you. D. Yes, of course.

5. “Would you mind turning down the TV? I’m working!”   “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.”

 A. Yes, I’m working, too.          B. Not at all. I’ll do it now.

 C. Thank you. I’m pleased.  D. No, I wouldn’t be working.

6. “Would you like some chocolate?” - “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

 A. I love it B. Yes, please! C. Here you go D. Here you are

7. I want to go somewhere for my coming holiday. Can you recommend me where to go?

 A. I suggest going to Dalat. B. I suggest you should go to Dalat.

 C. I suggest you must go to Da Lat D. I think Da Lat is not a good place to go in this season.

**Exercise 6: Mark the letter A, B, C or D to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions**

1. I **reserved** a table for two, at eight o’clock.

 A. set B. bought C. booked D. put

2. Tomato juice **contains** a rich amount of fiber which helps in breaking down bad cholesterol in the body.

 A. compound B. comprises C. produces D. releases

3. I am deeply **concerned** about the way.
 A. wounded B. interested  C. worried D. affected

4. Failure is simply the means of finding out what will not work so that it can be **eliminated** in the search for what will work.

 A. included B. considered C. excluded D. destroyed

5. I **reserved** a table for two, at eight o’clock.

 A. set B. bought C. booked D. put

6. Tomato juice **contains** a rich amount of fiber which helps in breaking down bad cholesterol in the body.

 A. compound B. comprises C. produces D. releases

7. Put the prawns, celery, two table spoons of mayonnaise, some salt in a bowl, then **mix** all the ingredients well.

 A. mixture B. add C. combine D. pour

8. There are **variety of** vegetables in the garden.

 A. few B. a lot C. plenty of D. several

9. I can’t **make up my mind** what to do in the future.

 A. know B. decide C. plan D. say

10. I am **accustomed to doing** morning exercises.

 A. used to B. being used to do C. using to do D. used to doing

11. In 1990, due to the change of the economic situation, Dong Ho s, or boating on scenic lakes -or lochs- are other **attractions** that Scotland offers.

 A. famous people B. friendly tourists C. beautiful places D. wide lake and river

**Exercise 7: Mark the letter A, B, C or D to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.**

1**.** After a very short time, this kind of music becomes wildly **popular** among the youth.

 A. appealing B. attractive C. unknown D. common

2. Acupuncture is considered to be very **safe** when enough precautions are taken.

 A. comfortable B. dangerous C. sore D. unhealthy

3. Things got a bit **out of hand** at the party and four windows were broken.

 A. out of control B. under control C. under pressure D. under the condition

4. My grandmother is so **far-sighted**. She can’t read the newspaper without glasses.

 A. short-sighted B. brief-sighted C. low- sighted D. none of above

5. Some English verbs are **the same as** their nouns or adjectives.

 A. different from B. changed according to C. like D. as

6. **Drawback** is a problem that makes something a less attractive idea.

 A. Disadvantage B. Advantage C. Unhealthy D. Unlucky

7. A village was affected by **drought.**
 A. summer B. winter C. floods  D. famine

8. Napoleon faced a catastrophic **defeat**.
 A. success B. failure C. excitement D. danger

**Exercise 8: Read the passage, and choose the correct answer A, B, C or D for each question.**

**Taking a Working Holiday**

 One of the more difficult things young people face when they want to travel is the lack offunds. During summer holidays and possibly at weekends, they are able to take on part-time jobs, but the money they make is just a drop in the bucket of what they need to travel far away. For example, traveling to Australia from Viet Nam can be quite expensive just for an airline ticket, and to a lot of students wanting to travel, it can seem out of reach.

 For students wanting to travel to Australia and New Zealand in particular, however, they are in luck. Although many countries offer working holidays, these two countries are well- known for offering them. When a young person signs up to get a working holiday visa, he only pays for the round-trip airfare to get to either place and only needs to carry some extra cash for incidentals. Once he is there, a job awaits where he can earn some money.

 Many of the jobs require little or no experience, such as picking fruit or working in a busy pub out in the countryside. Some of the jobs require more experience that most people are unlikely to have, such as being a certified welder to work for eight weeks on a farm. That shouldn't discourage you, though, because there is always something to be found if you search hard enough.

 There are many websites that advertise working holidays in Australia and New Zealand. If you have the courage and are looking for a way to make a little money and see the world, it might be just the ticket you were looking for.

**1. What can seem out of reach for young people?**

 A. Being able to find a part-time job B. Being able to travel

 C. Being able to get time off from school D. Being able to earn money

**2. Which students are in luck according to the passage?**

 A. The ones who want to go to Australia and New Zealand

 B. The ones who have part-time jobs

 C. The ones who have airline tickets

 D. The ones who are on holiday

**3. Where can people find working holidays advertised?**

 A. In magazines B. On the radio B. In travel guidebooks D. On the Internet

**4. According to the passage, which statement is true?**

 A. Some working holidays are not paid.

 B. People on working holidays must be from Australia or New Zealand

 C. A young person needs a special visa to go on a working holiday.

 D. Picking fruit is the only job available for young people on working holidays.

**5. Why would a student NOT want to take a working holiday?**

 A. To earn money B. To show how fearful he is

 C. To see the world D. To visit a new place

**Exercise 9: Read the passage, and choose the correct answer A, B, C or D for each question.**

**Free and Easy**

In the past, getting recipes and cooking tips was a complicated process. A person had to go to the store and buy a cook book, or get recipes from friends. Fortunately, the Internet has changed all that. Now, if you want to find a recipe for lasagne or Cobb salad, you just search online. It couldn’t be simpler.

Cooking blogs are a great source of information because they are free and there are so many of them. They are also nice because they give all different kinds of ideas. The problems with blogs is that because we don’t know who is writing them, we need to use with caution. When you are looking at a new blog, you don’t know if the writer knows what he or she is talking about.

We’d like to introduce two popular cooking blogs. The first is called Smitten Kitchen. This website is run by a family living in New York City. It focuses on food that doesn’t require many ingredients. If you want to make food that is simple but wonderful, then this is the site for you. It offers hundreds and hundreds of recipes, divided into categories. You will be amazed at how many there are.

Wednesday Chef is another great cooking blog. It is run by a writer who lives in Berlin. This blog also offers many recipes, along with recommendations for great restaurants in Berlin, and advice for people who want to start their own blogs. Wednesday Chef has great pictures of its food, as well as interesting pictures of Berlin. The blog got its name because in the past, newspapers published their food articles on Wednesdays.

There are a lot of cooking blogs on the Internet, and most of them are pretty good. Go online and check some of them out. You might be surprised at how much they can help you improve your cooking.

**1. How did Wednesday Chef get its name?**

 A. The writer only posts recipes on Wednesdays.

 B. The writer only cooks on Wednesdays.

 C. The writer was born on a Wednesday.

 D. Newspapers used to publish food articles on Wednesdays.

**2. Which of the following is NOT a benefit of cooking blogs?**

 A. There are many of them.         B. Everyone who writes them is an expert.

 C. They are free.         D. They give a lot of different ideas.

**3. Who runs the blog Smitten Kitchen?**

 A. A family in New York.         B. A woman in New York.

 C. A family in Berlin.          D. A woman in Berlin.

**4. What does the passage say about Smitten Kitchen?**

 A. It only gives recipes on Italian food.

 B. It focuses on simple recipes.

 C. It only offers a few recipes.

 D. Most of the food on that blog is hard to make.

**5. Why should we be careful when we are looking at new blogs?**

 A. We don’t know who the writers are.

 B. Most new blogs are terrible.

 C. The recipes on new blogs are usually hard to make.

 D. They charge you some fees to get the recipes.

**Exercise 10: Choose the word or phrase among A, B, C or D that best fits the blank space in the following passage.**

Language is (1) \_\_\_\_\_\_\_ people (2) \_\_\_\_\_\_\_ with one another. It is a terrific tool. Language is spoken, but it is also (3) \_\_\_\_\_\_\_ down. Sign language used by many people who are (4) \_\_\_\_\_\_\_ is the communication with gestures. We do (5) \_\_\_\_\_\_\_ our communication (6) \_\_\_\_\_\_\_ speaking.

English is (7) \_\_\_\_\_\_\_ international language in the world, but it is not the world’s most (8) \_\_\_\_\_\_\_ spoken language. There are more than 1.2 billion people (9) \_\_\_\_\_\_\_ Chinese. Arabic is second, and then Hindi, with English in the fourth place. (10) \_\_\_\_\_\_\_ languages in the top ten are Spanish, Bengali, Portuguese, Russian, Japanese, and German.

1. A. how         B. why         C. what         D. when

2. A. communicate B. instruct         C. introduce         D. mention

3. A. compiled         B. composed         C. written         D. made

4. A. blind         B. deaf         C. dead         D. alive

5. A. most         B. mostly         C. most of         D. mostly of

6. A. on         B. of         C. about         D. by

7. A. most         B. the most         C. the mostly         D. the more

8. A. widened         B. width         C. wide         D. widely

9. A. speak         B. speaks         C. speaking         D. are spoken

10. A. Another         B. One another         C. Other         D. Others

**Exercise 11: Mark the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions**

**1. She has worked here for 6 months.**

A. She has started working here 6 months ago.

B. She started working here for 6 months.

C. She has stopped working here since 6 months.

D. She started working here 6 months ago

**2. I have never tried such a delicious dish before.**

A. This dish is delicious and I have tried it before.

B. This is the last time I have tried such a delicious dish.

C. This is the first time I have tried such a delicious dish.

D. This is the first time I tried such a delicious dish.

**3. The last time I saw Tim was 2 years ago.**

A. I haven’t seen Tim for 2 years.

B. I haven’t seen Tim for 2 years ago.

C. I haven’t seen Tim since 2 years.

D. I didn’t see Tim for 2 years.

**4. Our last visit to Nha Trang was last year.**

A. We haven’t visited Nha Trang since last year.

B. We haven’t visited Nha Trang for last year.

C. We haven’t visited Nha Trang since year ago.

D. We haven’t visited Nha Trang last year.

**5. When did you last use this machine?**

A. How long have you used this machine?

B. How long has it been since you last used this machine?

C. How long ago did you start using this machine?

D. How long has it been for you last used this machine?

**6. I have not worked as an accountant for almost 3 years.**

A. I started working as an accountant almost 3 years ago

B. I haven’t worked as an accountant until 3 years ago.

C. I stopped working as an accountant 3 years ago.

D. The first time I worked as an accountant was 3 years ago.

**7. “You should take a taxi to the airport, Lisa.” Peter said.**

A. Peter suggested Lisa to take a taxi to the airport.

B. Peter suggested Lisa taking a taxi to the airport.

C. Peter suggested that Lisa taking a taxi to the airport.

D. Peter suggested that Lisa should take a taxi to the airport.

**8. When I was younger, I didn’t learn English properly and now I regret it.**

A. I regret not to learn English properly when I was younger.

B. I regret not learning English properly when I was younger.

C. I regret I had learned English when I was younger.

D. I wish I learned English properly when I was younger.

**9. It rained heavily. It wasn’t safe for us to travel on the road.**

A. It rained so heavily that we can travel on the road safely.

B. It is safe to travel on the road because of the heavy rain.

C. The rain made the road safe to travel.

D. The heavy rain prevented us from travelling safely on the road.

**10. I like playing outside more than watching TV.**

A. I would rather to play outside than watch TV.

B. I prefer playing outside to watching TV.

C. I would prefer playing outside instead of watching TV.

D. I like playing outside twice as much as watching TV.

**11. She asked me to do the laundry.**

A. She would prefer me to do the laundry.

B. She would prefer me do the laundry.

C. She would rather me do the laundry.

D. She would rather me did the laundry.

**12. “I want you to clean your room immediately.” Tom’s mother told him.**

A. Tom’s mother would rather he cleaned his room immediately.

B. Tom’s mother would rather he to clean his room immediately.

C. Tom’s mother advised him to clean his room immediately.

D. Tom’s mother would prefer him cleans his room immediately.

**13. The man said to me. “It wasn’t me who stole your money.”**

A. The man denied to steal my money.

B. The man threatened to steal my money.

C. The man denied stealing my money.

D. The man threatened me from stealing my money.

**14. “What a beautiful dress, Gemma!” Mai said.**

A. Mai thanked Gemma for her beautiful dress.

B. Mai agreed with Gemma that her dress was beautiful.

C. Mai complimented Gemma on her beautiful dress.

D. Mai asked Gemma for her beautiful dress.

**15. “I am sorry. I won’t be late next time” the boy said to his teacher.**

A. The boy thanked his teacher for being late.

B. The boy thanked his teacher to be late.

C. The boy apologized to his teacher for being late.

D. The boy apologized to his teacher to be late.

**16. “Please, let me pay for the meal.” Nam told.**

A. Nam insisted on paying for the meal.

B. Nam agreed on paying for the meal.

C. Nam admitted paying for the meal.

D. Nam promised to pay for the meal.

**17. “Don’t be so noisy during the lesson!” the teacher said to the students.**

A. The teacher told the students to not be noisy during the lesson.

B. The teacher told the students not being noisy during the lesson.

C. The teacher told the students not to be noisy during the lesson.

D. The teacher told the students not to being noisy during the lesson.

**18. “Would you like to have dinner with my family, Susan?” Peter asked.**

A. Peter encouraged Susan to have dinner with his family.

B. Peter invited Susan to have dinner with his family.

C. Peter promised Susan to have dinner with his family.

D. Peter reminded Susan to have dinner with his family.

**19. A lot of people think smoking in public places is bad.**

A. A lot of people warn about smoking in public places.

B. A lot of people agree with smoking in public places.

C. A lot of people insist on smoking in public places.

D. A lot of people object to smoking in public places.

**20. “You’d better take an umbrella. It is raining.” My mom said.**

A. My mom asked me to take an umbrella in case it might rain.

B. My mom gave me an umbrella because it was raining.

C. My mom advised me to take an umbrella because it was raining.

D. My mom recommended me to take an umbrella because it was raining.

**21. “I hope I can see you again.” Kevin said to Linda.**

A. Kevin looked forward to see Linda again

B. Kevin looked forward to seeing Linda again.

C. Kevin dreamed of seeing Linda again.

D. Kevin dreamed to see Linda again.

**22. I usually do my homework from 7p.m to 8p.m.**

A. I usually spend an hour to do my homework.

B. It usually takes me an hour doing my homework.

C. It usually takes me an hour to do my homework.

D. I usually spend an hour for me doing my homework.

**23. He loves studying all of the subjects except History.**

A. He loves studying all of the subjects and that includes History.

B. He loves studying all of the subjets and he loves History the most.

C. He is not interested in studying History as other subjects.

D. He is interested in studying History the same as other subjects.

**24. They often went camping when they were in high school.**

A. They used to going camping when they were in high school.

B. They used to go camping when they were in high school.

C. They got used to going camping when they were in high school.

D. They got used to go camping when they were in high school.

**25. The man is strong. However, he cannot carry that heavy bag.**

A. The man isn’t strong enough to carry the bag.

B. The man is strong but the bag is heavier than he expected.

C. The man is strong enough to carry the heavy bag.

D. The man is too strong to carry the heavy bag.

**26. The question was so difficult that only a few students can answer.**

A. It was so a difficult exercise that only a few students can answer.

B. It was such a difficult exercise that only a few students can answer.

C. It was such difficult exercise that only a few students can answer.

D. It was a such difficult exercise that only a few students can answer.

**27. He can’t afford these shoes.**

A. These shoes are too expensive for him to buy.

B. These shoes are too expensive but he buys them.

C. These shoes are expensive enough for him to buy.

D. These shoes is expensive enough for him to buy.

**28.  I couldn’t do that task because it was too difficult.**

A. That task was difficult enough for me to do.

B. I find that task wasn’t too difficult for me to do.

C. It was **too** difficult for me to do that task.

D. That task was too difficult, but I managed to do it.

**29. Someone repaired her car yesterday.**

A. She had to repair her car yesterday.

B. She had repaired her car yesterday.

C. She had her car repair yesterday.

D. She had her car repaired yesterday.

**30. Thomas completed the test without any difficulties.**

A. Thomas had difficulties in completing the test.

B. Thomas found the test difficult to complete.

C. It wasn’t difficult for Thomas to complete the test.

D. Thomas completed the test with a lot of difficulties.

**31. You need to submit your assignment by tonight.**

A. You don’t have to submit your assignment by tonight.

B. It is necessary for you to submit the assignment by tonight.

C. You must submit your assignment after tonight.

D. Your assignment needs to submit by tonight.

**32. People believe that human activities cause climate change.**

A. Human activities is believed to cause climate change.

B. Human activities are believed to causing climate change.

C. Human activities are believed to be caused climate change.

D. Human activities are believed to cause climate change.

**33. They say that he was born in a wealthy family.**

A. He is said to be born in a wealthy family.

B. He is said to being born in a wealthy family.

C. He is said to have been born in a wealthy family.

D. It is said to him to be born in a wealthy family.

**34. It took her an hour to clean the house.**

A. She cleaned the house an hour ago.

B. She had her house cleaned an hour ago.

C. She spent an hour cleaning the house.

D. She had to clean her house in an hour.

**35. Jenny has been doing housework for 2 hours.**

A. Jenny finished doing housework 2 hours ago.

B. It took Jenny two hours to do housework.

C. Jenny spent 2 hours doing housework.

D. It has been 2 hours since Jenny started doing housework.

**Exercise 12: Mark the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is correct or closest in meaning to the previous one.**

**1. He/ prefer/ stay at home/ to/ go to the supermarket.**

A. He prefer staying at home to going to the supermarket.

B. He prefers staying at home to go to the supermarket.

C. He prefers stay at home to go to the supermarket.

D. He prefers staying at home to going to the supermarket.

**2. The teacher/not allow/ us/ use the telephone/ class.**

A. The teacher don’t allow us to use the telephone in class.

B. The teacher doesn’t allow us to use the telephone in class.

C. The teacher doesn’t allow us to using the telephone in class.

D. The teacher not allow us to use the telephone in class.

**3. She/ like/ go/ shopping/ better than/ watch TV.**

A. She like going shopping better than watching TV.

B. She likes to go shopping better than watching TV.

C. She likes go shopping better than watch TV.

D. She likes going shopping better than watching TV.

**4. Jane/ refused /attend/ his birthday party, / made /him /feel sad.**
A. Jane refused attending his birthday party, which made him feel sad.
B. Jane refused to attend his birthday party because it made him sad.
C. Jane refused to attend his birthday party, which made him feel sad.
D. Jane refused to attending his birthday party because it made him sad.

**5 This / first time/ I/ made / stupid /mistake.**

1. This is the first time I’ve made such a stupid mistake.
2. This was the first time I made such a stupid mistake.
3. This is the first time I’ve made such stupid mistake.
4. This was the first time I’ve made such a stupid mistake.

**6. It /took/ her/ whole day/ paint/ house**

A. It took her whole day paint a house

B. It took her the whole day painting the house

C. It took her whole day to paint the house

D. It took her the whole day to paint the house

**7. It/ high time/ Marshall/ buy/ new/ pair of sandals.**

1. It’s high time for Marshall bought new pair of sandals.
2. It’s high time Marshall buys a new pair of sandals.
3. It’s high time Marshall bought a new pair of sandals.
4. It’s high time for Marshall bought a new pair of sandals.

**8. They / refused / go / us / since / they / busy / the lessons.**

A. They refused going with us since they were busy with the lessons.

B. They refused to go with us since they were busy of the lessons.

C. They refused going with us since they are busy with the lessons.

D. They refused to go with us since they were busy with the lessons.

**9. Our English teacher / threaten / punish / students / if / they / not / pay attention / the lesson.**

A. Our English teacher would threaten to punish the students if they do not pay attention to the lesson.

B. Our English teacher would threaten to punish the students if they did not pay attention to the lesson.

C. Our English teacher would threaten to punish the students if they do not pay attention the lesson.

D. Our English teacher would threaten punish the students if they did not pay attention to the lesson.

**10. It/ take/ Mr Nam/ long time/ write/ tests last week.**

A. It takes Mr Nam a long time write the tests last week.

B. It takes Mr Nam a long time to write the tests last week.

C. It took Mr Nam a long time writing the tests last week.

D. It took Mr Nam a long time to write the tests last week.

**11. I / feel / like / have breakfast/ this morning / because / headache.**

A. I don’t feel like to have breakfast this morning because I have a headache.

B. I don’t feel like having breakfast this morning because I have a headache.

C. I don’t feel like having breakfast this morning because I have headache.

D. I don’t feel like having a breakfast this morning because I have headache.

**12. She / practise / play/ tennis/ every day/ she / want / famous/ one day.**

A. She practises playing tennis one day because she wants to be famous every day.

B. She practises playing tennis every day because she wants famous one day.

C. She practises playing tennis every day because she wants being famous one day.

D. She practises playing tennis every day because she wants to be famous one day.

**13. We / decide/ not / go out/ because / weather.**

A. We decided not go out because the weather.

B. She decided not to go out because of the weather.

C. We decided not going out because of weather.

D. We decided not to go out because the weather.

**14. We / stop/ play tennis/ because / rain/ start.**

A. We stopped to play tennis because it started to rain.

B. We stopped playing tennis because of it started to rain.

C. We stopped playing tennis because it started to rain.

D. We stopped playing tennis because it rain starts.

**15. I / would rather / you / not tell / anyone / what/ say.**

A. I would rather you not tell anyone what I said.

B. I would rather you did not tell anyone what I said.

C. I would rather you do not tell anyone what I said.

D. I would rather you not tell anyone what I say.

**16. It / get dark/ you / put/ light/ on / please?**

A. It gets dark, could you put the light on, please?

B. It’s getting dark, could you put the light on, please?

C. It got dark, could you put the light on, please?

D. It’s getting dark, should you put the light on, please?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt****Lê Thị Ngọc Anh** | **Tổ/ Nhóm chuyên môn****Nguyễn Lan Hương**  | **Người lập** **Bùi Thị Thu Hạnh**  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM** | **HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II****NĂM HỌC 2023 – 2024****MÔN CÔNG NGHỆ 9** |

**A. PHẠM VI ÔN TẬP**

1. Ốc nhồi hấp

2. Gà hấp cải bẹ

3. Xôi vò

4. Nem rán

5. Đậu phụ nhồi thịt rán sốt cà chua

**B. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA**

- Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm.

 - Thời gian làm bài: 45 phút

**C. MỘT SỐ CÂU HỎI THAM KHẢO**

**Câu 1.**Hấp là phương pháp làm chín thực phẩm bằng

 **A.** chất béo.  **B**. sức nóng trực tiếp. **C**. nhiệt sấy khô. **D**. hơi nước.

**Câu 2.**Nguyên liệu nào không có trong món xôi vò?

 **A**. Muối. **B**. Nếp ngon. **C**. Dừa nạo vụn. **D**. Con ruốc.

**Câu 3.**Nguyên liệu nào không được dùng để thực hiện món ốc hấp lá gừng?

 **A**. Ốc nhồi (ốc bươu). **B**. Giò sống. **C**. Lá gừng non. **D**. Thịt bò.

**Câu 4.**Món xôi vò có thể ăn cùng với

 **A**. đậu phụ luộc. **B**. chả lụa. **C**. rau sống. **D**. lạc rang.

**Câu 5.**Nguyên liệu nào **không** có trong món gà hấp cải bẹ xanh?

 **A**. Gà. **B**. Cải bẹ. **C**. Giò sống. **D**. Dầu ăn (hoặc mỡ).

**Câu 6.** Khi chế biến món xôi vò, sau khi quấy tan đường, nước cốt dừa, rưới vào xôi thì để khoảng bao nhiêu lâu để cho ngấm?

 **A**. 5 phút. **B**. 30 phút. **C**. 1 giờ. **D**. 2 giờ.

**Câu 7.** Yêu cầu kĩ thuật chung **không** đúng với món hấp là

 **A**. thực phẩm chín mềm, ráo, không có nước hoặc rất ít nước.

 **B**. mùi vị thơm ngon, vừa ăn.

 **C**. màu sắc đẹp, hấp dẫn.

 **D**. thực phẩm giòn.

**Câu 8.** Quy trình thực hiện chế biến món hấp là

 **A**. sơ chế - chế biến - trình bày. **B**. nấu - sơ chế - trình bày.

 **C**. sơ chế - trình bày - nấu. **D**. nấu - trình bày - sơ chế.

**Câu 9.**Công dụng của lá gừng trong món ốc hấp là gì?

**A**. Khử mùi tanh, tăng vị ngon cho món ăn. **B**. Làm bong vẩy ốc.

**C**. Làm ốc nhanh chín. **D**. Để ốc có màu đẹp.

**Câu 10.**Cần ngâm ốc trong nước vo gạo bao lâu để ốc hết bẩn?

 **A**. 1 giờ. **B**. 2 giờ. **C**. 3 giờ. **D**. 4 giờ.

**Câu 11.**Trong các món sau, đâu là món rán?

 **A**. Đậu phụ nhồi thịt rán sốt cà chua. **B**. Gỏi ngó sen.

 **C**. Xôi vò. **D**. Ốc hấp gừng.

**Câu 12.**Nguyên liệu **không** có trong món nem rán là

 **A**. khoai môn. **B**. thịt nạc. **C**. thịt gà. **D**. mộc nhĩ.

**Câu 13.**Nguyên liệu nào sử dụng làm nhân nem rán?

 **A**. Thịt nạc. **B**. Rau xà lách. **C**. Cà chua. **D**. Cà pháo.

**Câu 14.**Nguyên liệu nào **không** có trong món đậu phụ nhồi thịt rán sốt cà chua?

 **A**. Bún tàu (miến). **B**. Thịt nạt dăm **C**. Bắp cải **D**. Tiêu.

**Câu 15.** Thao tác: “trải bánh đa lên mâm, cho nhân vào, gấp mép 2 bên lại, sau đó cuốn tròn” là thao tác chế biến của món ăn nào?

 **A.** Ốc hấp lá gừng. **B.** Xôi vò. **C.** Gà ủ muối tiêu. **D.** Nem rán.

**Câu 16.** Nguyên liệu thực phẩm được làm chín trong một lượng chất béo khá nhiều là nguyên tắc của món nào?

 **A.** Món rán. **B.** Món xào. **C.** Món hấp. **D.** Món nướng.

**Câu 17.**Trong quy trình chế biến món đậu phụ nhồi thịt rán sốt cà chua, khi rán đậu cần để lửa như thế nào?

 **A**. Lửa lớn. **B**. Lừa vừa. **C**. Lửa nhỏ. **D**. Lúc lớn, lúc nhỏ.

 **Câu 18.**Khi rán nem cần cho dầu như thế nào để nem rán được giòn lâu?

 **A**. Khi rán cho dầu ngập nem, trong quá trình rán thì vặn lửa vừa.

 **B**. Khi rán cho ít dầu, rán trong lửa nhỏ.

 **C**. Khi rán cho ngập dầu, trong quá trình rán thì vặn lửa lớn.

 **D**. Rán lửa to, ít dầu.

**Câu 19.**Khi làm món đậu phụ nhồi thịt rán sốt cà chua **không** cần nguyên liệu nào?

 **A**. Đậu phụ trắng (tàu hũ). **B**. Thịt nạc dăm (nạc vụn).

 **C**. Thịt bò. **D**. Cà chua, củ hành khô, mộc nhĩ.

 **Câu 20.**Yêu cầu kỹ thuật **không** đúng với món rán là:

 **A**. Thực phẩm chín mềm, ráo, không có nước hoặc rất ít nước.

 **B**. Hương vị thơm ngon, vừa ăn (có thể hơi nhạt và dùng kèm với nước chấm).

 **C**. Màu vàng nâu, không cháy xém.

 **D**. Thực phẩm giòn, xốp, ráo mỡ và chín đều.

**Câu 21.** Khi sốt cà chua cần lưu ý điều gì?

 **A.** Cho đậu đã rán vào nước sốt cà chua, nâu khoảng 10 phút để ngấm gia vị

 **B.** Cho đậu đã rán vào nước sốt cà chua, nâu khoảng 5 phút để ngấm gia vị

 **C.** Cho đậu đã rán vào nước sốt cà chua, nâu khoảng 20 phút để ngấm gia vị

 **D.** Cho đậu đã rán vào nước sốt cà chua, nâu khoảng 4 phút để ngấm gia vị

**Câu 22.** Khi thực hiện món hấp, cần để lửa như nào?

 **A.** Lúc đầu nhỏ, về sau mở to. **B.** Lúc đầu để lửa to, về sau tắt đi để ủ.

 **C.** Lửa to, để hơi nước bốc lên mạnh. **D.** Lửa nhỏ, để món hấp chín đều.

**Câu 23.**Nguyên liệu dùng trong món mì xào giòn?

 **A**. Rau xà lách. **B**. Tôm, thịt, hành tây. **C**. Cá chép. **D**. Trứng.

**Câu 24.**Món sườn xào chua ngọt thường được ăn kèm với

 **A**. cơm. **B**. canh. **C**. súp. **D**. cháo.

**Câu 25.**Trong quy trình sơ chế sườn xào chua ngọt, cắt sườn miếng như thế nào cho phù hợp?

 **A**. Chặt từng miếng vuông cạnh 2 – 3 cm. **B**. Chặt từng miếng vuông cạnh 3 – 4 cm.

 **C**. Để nguyên miếng sườn dài. **D**. Chặt từng miếng dài khoảng 10 cm.

**Câu 26.**Thời gian cần ướp để sườn ngấm gia vị là khoảng bao lâu?

 **A**. 15 phút **B**. 30 phút **C**. 1 giờ **D**. 2 giờ

**Câu 27.** Tại sao cần sử dụng lửa to khi chế biến món xào?

 **A**. Làm cho thức ăn vừa "áp chảo", giữ lại được phần nhiều vitamin trong thực phẩm.

 **B**. Để tiết kiệm thời gian.

 **C**. Làm cho thức ăn không bị mềm.

 **D**. Làm thức ăn được giòn.

**Câu 28.**Trong món mì xào giòn, nguyên liệu đầu, cánh gà được dùng làm gì?

 **A**. Cho vào xào cùng các nguyên liệu khác. **B**. Rán giòn sau đó ăn kèm cùng mì xào.

 **C**. Nấu lấy nước dùng. **D**. Luộc chín sau đó ăn kèm cùng mì xào.

**Câu 29. Yêu cầu đầu tiên của món hấp là:**

**A**. Thực phẩm chín mềm, không có nước hoặc ít nước

**B**. Mùi vị thơm ngon vừa ăn

**C**. Màu sắc đẹp, hấp dẫn

**D**. Tiết kiệm được nhiều thời gian nấu.

**Câu 30**. **Quy trình làm món nem cuốn gồm mấy bước?**

**A**. 1                                **B**. 2 **C**. 3                                         **D**. 4

**Câu 31**. **Công việc nào sau đay thuộc giai đoạn trình bày khi thực hiện món ăn có sử dụng nhiệt?**

**A**. Nhặt, rửa sạch nguyên liệu thực vật.

**B**. Tẩm ướp nguyên liệu động vật.

**C**. Nấu nguyên liệu động vật với nước.

**D**. Cho món nấu vào đĩa và trình bày.

**Câu 32**. **Với món gà hấp cải bẹ xanh, nên chọn gà có khối lượng:**

**A**. 0,5 kg                             **B**. 1,5 kg **C**. 1 kg                                 **D**. 2 kg

**Câu 33. Theo em khi rán nem nên làm gì để nem rán được giòn?**

**A**. Rán ngập dầu và cho nem vừa cuốn vào ngăn mát [tủ lạnh](https://www.dienmayxanh.com/tu-lanh) trong khoảng 20 phút để kết cấu của nem được chặt và khô hơn.

B. Rán một lần sau đó bọc nem cho kín để nem luôn nóng tuyệt đối không để vào tủ lạnh vì nem sẽ mềm.

C. Rán đi rán lại hai đến ba lần sau đó dùng giấy thấm dầu để hút hết dầu trong nem để kết cấu của nem chặt và khô hơn.

D. Trước khi rán nem vắt ráo nước các loại rau củ, cà rốt sau đó mới rán nem.

**Câu 34. Đâu là cách chế biến món xào thập cẩm?**

**A.** Bật to lửa để chảo nóng cho hành, tỏi phi thơm sau đó các loại rau vào xào, khi rau chín cho các nguyên liệu như tôm, thịt, mực vào xào chín và nêm gia vị vừa ăn rồi cho ra đĩa trang trí cho đẹp.

**B**. Chảo nóng cho dầu ăn, tỏi, hành băm phi thơm sau đó cho rau vào xào, khi rau chưa chín hẳn cho các nguyên liệu thịt, tôm, mực vào xào và nêm gia vị cho phù hợp.

**C**. Chảo nóng, cho 1 thìa súp dầu ăn và 1/2 tỏi vào phi vàng, cho thịt, tôm, mực vào xào chín, nêm hạt tiêu, muối, bột ngọt, xì dầu. Nhấc xuống xúc ra đĩa, thêm hành lá,…

D. Chảo nóng cho thật nhiều dầu phi thơm hành, tỏi rồi vớt ra sau đó cho tôm, thịt vào, khi chín cho các loại rau vào xào cùng và nêm gia vị cho vừa ăn rồi cho ra đĩa trang trí cho đẹp.

**Câu 35. Món nào sau đây sử dụng lượng ít chất béo để làm chín?**

**A**. Trứng rán **B**. Bánh xèo

**C**. Trứng rán và bánh xèo **D**. Nem rán

**Câu 36. Quy trình thực hiện món rán gồm mấy bước?**

**A**. 1                                                                      **B**. 2

**C**. 3                                                                      **D**. 4

**Câu 37**. **Đối với món xào, thực phẩm được làm chín bằng lượng chất béo như thế nào?**

**A**. Nhiều **B**. Rất nhiều **C**. Ít  **D**. Rất ít

**Câu 38. Yêu cầu đầu tiên đối với món xào là gì?**

**A**. Nguyên liệu động vật chín mềm, không dai.

**B**. Nguyên liệu thực vật chín tới, còn màu tươi của thực phẩm

**C**. Món ăn còn ít nước, có thể hơi sền sệt.

**D**. Vị vừa ăn

**Câu 39**. **Bước chế biến món xào chua ngọt gồm mấy giai đoạn?**

**A**. 1                                                                      **B**. 2

**C**. 3                                                                      **D**. 4

**Câu 40.  Món nướng phải đảm bảo mấy yêu cầu kĩ thuật?**

**A**. 1                                                                      **B**. 2

**C**. 3                                                                      **D**. 4

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN NHÓM CM****Nguyễn Thị Hồng Nhung** | **TỔ TRƯỞNG CM****Nguyễn Thế Mạnh** | **BAN GIÁM HIỆU****Trần Thị Thanh Hà** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II****MÔN HÓA 9****Năm học: 2023 – 2024** |

**I. Nội dung:** Chương 4: Hiđrocacbon. Nhiên liệu.

**II. Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).*

**III. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập**

**Trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Trong phân tử etilen giữa hai nguyên tử cacbon có:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** một liên kết đơn. | **B.** một liên kết đôi. | **C.** một liên kết ba. | **D.** hai liên kết đôi. |

**Câu 2.** Có các bình khí riêng biệt, không nhãn, chứa một trong các khí sau: C2H2, CH4, CO2. Có thể dùng các thuốc thử nào sau đây để phân biệt các bình khí trên?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** dd brom, nước vôi trong. | **B.** Quì tím, dd brom. |
| **C.** dd NaOH, quì tím. | **D.** dd NaOH, phenolphtalein. |

**Câu 3.** Đốt cháy một hợp chất hữu cơ X thu được hơi nước và khí cacbonic, khí nito. Trong X chứa các nguyên tố nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** C, H, O. | **B.** C, H, N. | **C.** C, H, S. | **D.** C, H, P. |

**Câu 4.** Trong phân tử hợp chất hữu cơ cacbon, hidro, oxi có hóa trị lần lượt là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** II, I, II. | **B.** IV, I, II. | **C.** VI, I, II. | **D.** IV, II, II. |

**Câu 5.** Các tính chất vật lí cơ bản của etilen là:

|  |
| --- |
| **A.** Chất khí, không màu, mùi hắc, tan nhiều trong nước. |
| **B.** Chất khí, không màu, không mùi, nhẹ hơn không khí, tan ít trong nước. |
| **C.** Chất khí, không màu, không mùi, nặng hơn không khí, tan ít trong nước. |
| **D.** Chất lỏng, không màu, mùi thơm, tan nhiều trong nước. |

**Câu 6.** Để được hỗn hợp nổ mạnh, tỉ lệ thể tích của khí metan và khí oxi là:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** 2 thể tích khí metan và 1 thể tích khí oxi. | **B.** 1 thể tích khí metan và 3 thể tích khí oxi. |
| **C.** 1 thể tích khí metan và 2 thể tích khí oxi. | **D.** 3 thể tích khí metan và 2 thể tích oxi. |

**Câu 7.** Theo thành phần nguyên tố, hợp chất hữu cơ được chia thành:

|  |
| --- |
| **A.** hidrocacbon và các hợp chất chứa oxi, nito. |
| **B.** hidrocacbon và các chất không phải hidrocacbon. |
| **C.** hidrocacbon và dẫn xuất hidrocacbon. |
| **D.** hidrocacbon và các hợp chất chứa oxi. |

**Câu 8.** Dãy các hợp chất nào sau đây là hợp chất hữu cơ?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** C2H6, CH3Cl, C2H5OH. | **B.** CH4, C2H2, CO. |
| **C.** C2H2, C2H6O, CaCO3. | **D.** CH4, C2H6, CO2. |

**Câu 9.** Số liên kết đơn trong phân tử C4H10 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 13. | **B.** 14. | **C.** 10. | **D.** 12. |

**Câu 10.** Nguyên tố hóa học nào sau đây luôn có trong phân tử hợp chất hữu cơ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Oxi. | **B.** Hidro. | **C.** Nito. | **D.** Cacbon. |

**Câu 11.** Dãy các chất nào sau đây đều là dẫn xuất của hidrocacbon?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** C2H6O, C3H8, C2H2. | **B.** C2H4, C3H7Cl, CH4. |
| **C.** C2H6O, CH4, C2H2. | **D.** C2H6O, C3H7Cl, C2H5Cl. |

**Câu 12.** Phương trình hóa học biểu diễn đúng phản ứng giữa metan và clo là:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** CH4 + Cl2  CH2 + 2HCl. | **B.** CH4 + Cl2  CH2Cl2 + H2. |
| **C.** 2CH4 + Cl2  2CH3Cl + H2. | **D.** CH4 + Cl2  CH3Cl + HCl. |

**Câu 13.** Một hiđrocacbon ở thể khí thường được dùng làm nhiên liệu để hàn cắt kim loại, đó là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** C2H4.      | **B.** C2H2. | **C.** CH4.                | **D.** C2H6. |

**Câu 14.** Hỗn hợp khí X gồm CO2, C2H2, C2H4, CH4. Dẫn hỗn hợp X lần lượt qua bình 1 chứa dung dịch nước vôi trong dư, sau đó qua bình 2 chứa dung dịch brom dư, thu được khí A là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** C2H2. | **B.** C2H4. | **C.** CO2. | **D.** CH4. |

**Câu 15.** Axetilen có công thức cấu tạo thu gọn là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** CH3 - CH3 | **B.** CH2=CH2 | **C.** CH≡CH | **D.** CH4 |

**Câu 16.** Chất nào sau đây làm mất màu dung dịch brom và tham gia phản ứng trùng hợp?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** CH2=CH–CH3. | **B.** CH3–Cl. | **C.** CH3–CH2–OH. | **D.** CH3–CH3. |

**Câu 17.** Khí axetilen **không** có tính chất hóa học nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Phản ứng cộng với dung dịch brom. | **B.** Phản ứng cháy với oxi. |
| **C.** Phản ứng cộng với hiđro. | **D.** Phản ứng thế với clo ngoài ánh sáng. |

**Câu 18.** Ứng dụng nào sau đây **không** phải là của etilen?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Dùng để ủ trái cây mau chín. | **B.** Điều chế rượu etylic và axit axetic. |
| **C.** Điều chế khí ga. | **D.** Điều chế P.E. |

**Câu 19.** Trong phân tử metan có:

 **A.** 4 liên kết đơn C – H.  **B.** 1 liên kết đôi C = H và 3 liên kết đơn C – H.

 **C.** 2 liên kết đơn C – H và 2 liên kết đôi C = H. **D.** 1 liên kết đơn C – H và 3 liên kết đôi C = H.

**Câu 20.** Dẫn khí metan và khí clo vào ống nghiệm đặt ngoài ánh sáng. Sau đó đưa mảnh giấy quì tím ẩm vào ống nghiệm. Hiện tượng quan sát được là:

 **A.** Quì tím chuyển thành màu xanh.  **B.** Quì tím bị mất màu.

 **C.** Quì tím chuyển thành màu đỏ. **D.** Quì tím không đổi màu.

**Câu 21.** Trong điều kiện nhiệt độ áp suất không đổi thì axetilen phản ứng với oxi theo tỉ lệ thể tích là:

 **A.** 2 lít khí C2H2 phản ứng với 4 lít khí O2.  **B.** 2 lít khí C2H2 phản ứng với 5 lít khí O2.

 **C.** 3 lít khí C2H2 phản ứng với 2 lít khí O2. **D.** 3 lít khí C2H2 phản ứng với 1 lít khí O2.

**Câu 22.** Cho các chất sau: CH2=CH–CH3; CH$ ≡ $CH; CH3–CH3; CH3–CH2–CH3; CH$ ≡ $C-CH3. Số chất làm mất màu dung dịch brom là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 3. | **B.** 5. | **C.** 2. | **D.** 4. |

**Câu 23.** Dẫn 0,1 mol khí axetilen qua dung dịch nước brom dư. Khối lượng brom tham gia phản ứng là bao nhiêu? ***(Biết C = 12; H = 1, Br = 80)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 16 g. | **B.** 32 g. | **C.** 8 g. | **D.** 4 g. |

**Câu 24.** Cho các chất sau: CH4, CH3Cl, CH2Cl2, CHCl3. Phần trăm khối lượng của cacbon trong hợp chất nào lớn nhất? ***(Biết C = 12; H = 1)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** CH4. | **B.** CH3Cl. | **C.** CH2Cl2. | **D.** CHCl3. |

**Câu 25.** Thể tích khí oxi (đktc) cần dùng để đốt cháy 5,6 gam khí etilen là bao nhiêu? ***(C = 12; H = 1)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 13,44 lít. | **B.** 4,48 lít. | **C.** 14,87 lít. | **D.** 4,96 lít. |

**Tự luận:**

**Câu 1.** Propan là hidrocacbon có tính chất tương tự metan và có công thức phân tử C3H8.

a) Viết công thức cấu tạo của propan.

b) Viết PTHH của phản ứng đốt cháy propan.

c) Viết PTHH của phản ứng giữa propan và clo khi chiếu sáng để tạo ra C3H7Cl.

**Câu 2.** Cho các chất sau: CH4, CH3 – CH3,CH2=CH2, CH3─CH=CH2, CH≡CH, CH≡C─CH2.

a) Chất nào tác dụng được với clo khi chiếu sáng?

b) Chất nào có thể làm mất màu dung dịch brom?

c) Chất nào có phản ứng trùng hợp?

Hãy viết PTHH minh họa.

**Câu 3.** Cho 5,6 lít (đktc) hỗn hợp khí gồm C2H4, C2H2 tác dụng hết với dung dịch brom dư, khối lượng brom đã tham gia phản ứng là 56 gam.

a) Tính khối lượng sản phẩm thu được.

b) Tính phần trăm thể tích của mỗi khí trong hỗn hợp.

**Câu 4.** Đốt cháy hoàn toàn 11,2 lít hỗn hợp khí gồm CH4 và H2 ở đktc thu được 16,2 gam H2O.

a) Tính thành phần phần trăm theo thể tích của mỗi khí trong hỗn hợp.

b) Tính thể tích khí CO2 tạo ra ở đktc.

**Câu 5.** Đốt cháy 28 lít hỗn hợp khí CH4 và C2H2 cần phải dùng 67,2 lít khí oxi.

a) Tính thể tích khí CO2 sinh ra. Biết các thể tích khí đo ở đktc.

b) Tính phần trăm thể tích của mỗi khí trong hỗn hợp.

***(Biết C = 12; H = 1; O = 16; Br = 80)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BAN GIÁM HIỆU****Lê Thị Ngọc Anh** | **TỔ/NHÓM CM****Khổng Thu Trang** | **NHÓM HÓA 9****Nguyễn Thúy Quỳnh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II****Môn: Vật lý 9****Năm học 2023-2024** |

**I. LÝ THUYẾT**

Bài 31. Hiện tượng cảm ứng điện từ.

Bài 32. Điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng.

Bài 33. Dòng điện xoay chiều.

Bài 34. Máy phát điện xoay chiều.

Bài 35. Các tác dụng của dòng điện xoay chiều – đo cường độ và hiệu điện thế của dòng điện xoay chiều.

Bài 36. Truyền tải điện năng đi xa.

Bài 37. Máy biến thế.

Bài 40. Hiện tượng khúc xạ ánh sáng.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:** 100% trắc nghiệm

**III. BÀI TẬP THAM KHẢO**

**Câu 1. Trường hợp nào sau đây có số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây khác với các trường hợp còn lại?**

**A.** Để nam châm đứng yên, cho cuộn dây chuyển động lại gần nam châm.

**B.** Đặt nam châm đứng yên trong cuộn dây.

**C.** Đưa nam châm lại gần cuộn dây theo phương vuông góc với tiết diện S của cuộn dây.

**D.** Đưa nam châm và cuộn dây lại gần nhau.

**Câu 2. Ở Việt Nam các máy phát điện lớn trong lưới điện quốc gia có tần số bao nhiêu?**

**A.** 75Hz.

**B.** 25Hz.

**C.** 50Hz.

**D.** 100Hz.

**Câu 3. Phương án làm giảm hao phí hữu hiệu nhất là gì?**

**A.** Chọn dây dẫn có điện trở suất nhỏ.

**B.** Tăng tiết diện dây dẫn.

**C.** Giảm tiết diện dây dẫn.

**D.** Tăng hiệu điện thế.

**Câu 4. Dùng những dụng cụ nào sau đây có thể làm thí nghiệm cho ta dòng điện cảm ứng liên tục?**

**A.** Một ống dây dẫn kín, một nam châm và một bộ phận làm cho cuộn dây dẫn hoặc nam châm quay liên tục.

**B.** Một nam châm và một ống dây dẫn kín.

**C.** Một ống dây dẫn kín, một ampe kế và một bộ phận làm cho cuộn dây dẫn hoặc nam châm quay liên tục.

**D.** Một nam châm, một ampe kế và một vôn kế.

**Câu 5. Trong cuộn dây dẫn kín xuất hiện dòng điện cảm ứng khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín**

**A.** ít.

**B.** không đổi.

**C.** biến thiên.

**D.** nhiều.

**Câu 6. Đặt một nam châm điện A có dòng điện xoay chiều chạy qua trước một cuộn dây dẫn kín B. Sau khi công tắc K của nam châm điện đóng thì trong cuộn dây B có xuất hiện dòng điện cảm ứng. Người ta dựa vào tác dụng nào của dòng điện xoay chiều?**

**A.** Tác dụng nhiệt.

 **B.** Tác dụng quang.

 **C.** Tác dụng từ.

 **D.** Tác dụng cơ.

**Câu 7. Có mấy cách tạo ra dòng điện xoay chiều?**

**A.** 3

**B.** 1

**C.** 4

**D.** 2

**Câu 8. Máy biến thế là thiết bị dùng để**

**A.** biến đổi cường độ dòng điện không đổi.

**B.** giữ hiệu điện thế không đổi.

**C.** biến đổi hiệu điện thế xoay chiều.

**D.** giữ cường độ dòng điện không đổi.

**Câu 9. Làm cách nào để tạo ra dòng điện cảm ứng trong đinamô xe đạp?**

**A.** Cho bánh xe đạp chạm vào núm của đinamô.

**B.** Nối hai đầu đinamô với hai cực của một acquy.

**C.** Làm cho nam châm của đinamô quay trước cuộn dây.

**D.** Cho xe đạp chạy nhanh trên đường.

**Câu 10. Dòng điện xoay chiều là dòng điện**

**A.** có chiều từ trái qua phải.

**B.** không đổi.

**C.** có một chiều cố định.

**D.** luân phiên đổi chiều.

**Câu 11. Trong cuộn dây dẫn kín xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều khi số đường sức từ qua tiết diện của cuộn dây thay đổi như thế nào?**

**A.** Luân phiên tăng, giảm.

**B.** Luôn luôn không đổi.

**C.** Luôn luôn giảm.

**D.** Luôn luôn tăng.

**Câu 12. Máy phát điện xoay chiều bắt buộc phải có bộ phận chính nào để có thể tạo ra dòng điện?**

**A.** Cuộn dây dẫn và nam châm.

**B.** Nam châm điện và sợi dây dẫn nối hai cực của nam châm.

**C.** Cuộn dây dẫn có lõi sắt.

**D.** Nam châm vĩnh cửu.

**Câu 13. Nguyên tắc hoạt động của máy phát điện xoay chiều dựa vào hiện tượng nào?**

**A.** Hiện tượng cảm ứng điện từ.

**B.** Hiện tượng tự cảm.

**C.** Hiện tượng hưởng ứng điện.

**D.** Hiện tượng nhiễm điện.

**Câu 14. Tác dụng nào sau đây phụ thuộc vào chiều dòng điện?**

**A.** Tác dụng sinh lí.

**B.** Tác dụng nhiệt.

 **C.** Tác dụng từ.

 **D.** Tác dụng quang.

**Câu 15. Vì sao trong máy phát điện xoay chiều, khi nam châm quay thì trong cuộn dây dẫn xuất** **hiện dòng điện xoay chiều?**

**A.** Từ trường qua tiết diện của cuộn dây không biến đổi.

**B.** Từ trường qua tiết diện của cuộn dây luôn tăng.

**C.** Số đường sức từ qua tiết diện của cuộn dây luân phiên tăng giảm.

**D.** Số đường sức từ qua tiết diện của cuộn dây luôn luôn tăng.

**Câu 16. Phát biểu nào sau đây là SAI khi nói về điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng?**

**A.** Dòng điện cảm ứng xuất hiện khi ta đưa thanh nam châm vào trong lòng ống dây.

**B.** Khi mạch điện kín không chuyển động trong từ trường nhưng từ trường xuyên qua mạch điện đó là từ trường biến đổi theo thời gian.

**C.** Dòng điện cảm ứng xuất hiện khi có sự chuyển động tương đối giữa ống dây và nam châm.

**D.** Dòng điện cảm ứng xuất hiện khi có sự chuyển động đồng thời của ống dây và nam châm nhưng vị trí tương đối giữa chúng không thay đổi.

**Câu 17. Khi truyền tải điện năng đi xa bằng đường dây dẫn**

**A.** có một phần điện năng hao phí do hiện tượng tỏa nhiệt trên đường dây.

**B.** hiệu suất truyền tải là 100%.

**C.** không có hao phí do tỏa nhiệt trên đường dây.

**D.** toàn bộ điện năng ở nơi cấp sẽ truyền đến nơi tiêu thụ.

**Câu 18. Trong hình dưới đây, thanh nam châm chuyển động như thế nào thì KHÔNG tạo ra dòng điện cảm ứng trong cuộn dây?**

**A.** Chuyển động từ ngoài vào trong ống dây.

**B.** Quay quanh trục CD.

**C.** Quay quanh trục PQ.

**D.** Quay quanh trục AB.

**Câu 19. Dòng điện cảm ứng xuất hiện khi**

**A.** mạch điện kín đặt gần một nam châm mạnh.

**B.** mạch điện kín có cường độ dòng điện rất lớn.

**C.** mạch điện kín hay một phần mạch điện kín chuyển động trong từ trường và cắt các đường cảm ứng từ.

**D.** mạch điện kín hay một phần mạch điện kín được giữ cố định trong từ trường và cắt các đường cảm ứng từ.

**Câu 20. Khi đưa một cực của nam châm lại gần hay ra xa một đầu cuộn dây thì số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn**

**A.** luôn giảm.

**B.** luôn tăng.

**C.** tăng hoặc giảm (biến thiến).

**D.** không đổi.

**Câu 21. Dụng cụ nào dưới đây tạo ra dòng điện xoay chiều?**

**A.** Acquy.

**B.** Đinamô xe đạp.

**C.** Một nam châm.

**D.** Pin.

**Câu 22. Khi truyền đi cùng một công suất điện, muốn giảm công suất hao phí 4 lần vì tỏa nhiệt, dùng cách nào trong các cách dưới đây có lợi hơn?**

**A.** Tăng hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn lên hai lần.

**B.** Tăng tiết diện dây lên hai lần.

**C.** Giảm chiều dài đi hai lần.

**D.** Giảm hiệu điện thế hai lần.

**Câu 23. Có mấy loại máy phát điện xoay chiều?**

**A.** 1

**B.** 2

**C.** 3

**D.** 4

**Câu 24. Dụng cụ nào dùng để đo hiệu điện thế xoay chiều?**

**A.** Ampe kế xoay chiều.

**B.** Ampe kế một chiều.

**C.** Vôn kế xoay chiều.

**D.** Vôn kế một chiều.

**Câu 25. Hiện tượng khúc xạ ánh sáng là hiện tượng tia sáng tới, gặp mặt phân cách giữa hai môi trường thì**

**A.** bị hắt trở lại môi trường cũ.

**B.** bị hấp thụ hoàn toàn và không truyền đi vào môi trường trong suốt thứ hai.

**C.** tiếp tục đi thẳng vào môi trường trong suốt thứ hai.

**D.** bị gãy khúc tại mặt phân cách giữa hai môi trường và đi vào môi trường trong suốt thứ hai.

**Câu 26. Pháp tuyến là đường thẳng**

**A.** tạo với tia tới một góc vuông tại điểm tới.

**B.** tạo với mặt phân cách giữa hai môi trường góc vuông tại điểm tới.

**C.** tạo với mặt phân cách giữa hai môi trường một góc nhọn tại điểm tới.

**D.** song song với mặt phân cách giữa hai môi trường.

**Câu 27. Một tia sáng khi truyền từ nước ra không khí thì**

**A.** góc khúc xạ lớn hơn góc tới.

**B.** tia khúc xạ luôn nằm trùng với pháp tuyến.

**C.** tia khúc xạ hợp với pháp tuyến một góc 30o.

**D.** góc khúc xạ vẫn nằm trong môi trường nước.

**Câu 28. Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng, góc khúc xạ r là góc tạo bởi tia khúc xạ và**

**A.** pháp tuyến tại điểm tới.

**B.** tia tới.

**C.** mặt phân cách.

**D.** điểm tới.

**Câu 29.** **Cuộn sơ cấp của máy biến thế có 4400 vòng, cuộn thứ cấp có 240 vòng. Khi đặt vào hai đầu cuộn sơ cấp một hiệu điện thế xoay chiều 220 V thì ở hai đầu dây cuộn thứ cấp có hiệu điện thế là bao nhiêu?**

**A.** 12 V.

**B.** 16 V.

**C.** 18 V.

**D.** 24 V.

**Câu 30.** **Một máy biến thế có số vòng dây cuộn sơ cấp gấp 3 lần số vòng dây cuộn thứ cấp thì hiệu điện thế ở hai đầu cuộn thứ cấp so với hiệu điện thế ở hai đầu cuộn sơ cấp sẽ**

**A.** giảm 3 lần.

**B.** tăng 3 lần.

**C.** giảm 6 lần.

**D.** tăng 6 lần.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ban giám hiệu****Trần Thị Thanh Hà** | **Tổ/ nhóm CM****Khổng Thu Trang** | **Nhóm Vật lý 9****Ngô Thị Tường Vi** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM** | **HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II****MÔN SINH HỌC 9** **Năm học: 2023 – 2024**  |

**I. Nội dung:** Ôn nội dung kiến thức các chương:

**1. Chương VI: Ứng dựng di truyền học**

- Công nghệ tế bào, công nghệ gen

- Thoái hoá do tự thụ phấn và do giao phối gần

- Ưu thế lai, thành tựu chọn giống ở Việt Nam

**2. Phần 2 – Chương I: Sinh thái và môi trường**

- Môi trường và các nhân tố sinh thái

- Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật

**II. Hình thức kiểm tra:** 100% trắc nghiệm

**IV. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập**

*Chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau:*

**Câu 1.** Công nghệ tế bào là ngành kĩ thuật về quy trình ứng dụng phương pháp

 **A.** kích thích sự sinh trưởng của tế bào trong cơ thể sống.

 **B.** dùng hoocmon điều khiển sự sinh sản của cơ thể.

 **C.** nuôi cấy tế bào hoặc mô để tạo ra những mô, cơ quan, cơ thể hoàn chỉnh.

 **D.** dùng hóa chất để kìm hãm sự nguyên phân của tế bào.

**Câu 2.** Công nghệ gen là ngành kĩ thuật về quy trình ứng dụng

 **A.** công nghệ tế bào. **B.** kĩ thuật gen.

 **C.** công nghệ tế bào xoma. **D.** kĩ thuật chuyển ADN.

**Câu 3.** Ưu thế lai là hiện tượng

 **A.** giảm sức sinh sản với bố mẹ. **B.** duy trì kiểu gen vốn có của bố mẹ.

 **C.** có sức sống cao hơn bố mẹ. **D.** có tính chống chịu kém hơn bố mẹ.

**Câu 4.** Khi lai 2 dòng thuần, ưu thể lai biểu hiện rõ nhất ở Fl vì hầu hết các cặp gen ở cơ thể lai F1 đều ở trạng thái

 **A.** đồng hợp lặn. **B.** dị hợp.

 **C.** đồng hợp trội. **D.** đồng hợp trội và đồng hợp lặn.

**Câu 5.** Tự thụ phấn là hiện tượng thụ phấn xảy ra giữa hoa đực và hoa cái

 **A.** hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau.

 **B.** hoa đực và hoa cái trên cùng một cây.

 **C.** của các cây khác nhau và mang kiểu gen khác nhau.

 **D.** của các cây khác nhau nhưng mang kiểu gen giống nhau.

**Câu 6.** Kết quả về mặt di truyền khi cho giao phối cận huyết hoặc tự thụ phấn là

 **A.** sự đa dạng về kểu gen trong quần thể.

 **B.** sự đa dạng về kiểu hình trong quần thể.

 **C.** giảm tỉ lệ thể dị hợp và tăng tỉ lệ thể đồng hợp trong quần thể.

 **D.** làm tăng khả năng xuất hiện đột biến gen.

**Câu 7.** Trong chăn nuôi, để tận dụng ưu thế lai, người ta dùng phép lai nào sau đây

 **A.** giao phối ngẫu nhiên. **B.** giao phối cận huyết.

 **C.** lai kinh tế. **D.** lai phân tích.

**Câu 8.** Muốn duy trì ưu thế lai trong trồng trọt người ta dùng phương pháp

 **A.** cho con lai F1 lai hữu tính với nhau.

 **B.** nhân giống vô tính bằng giâm, chiết, ghép.

 **C.** cho F1 lai với P.

 **D.** lai kinh tế giữa 2 dòng thuần chủng khác nhau.

**Câu 9.** Yếu tố ánh sáng thuộc nhóm nhân tố sinh thái

 **A.** vô cơ. **B.** vô sinh. **C.** hữu sinh. **D.** hữu cơ.

**Câu 10.** Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa giống ở động vật là do

 **A.** lai phân tích.

 **B.** lai giữa các dòng thuần có kiểu gen khác nhau.

 **C.** giao phối xảy ra ngẫu nhiên giữa các loài động vật.

 **D.** giao phối gần.

**Câu 11.** Yếu tố nào dưới đây là nhân tố hữu sinh?

 **A.** Con người và các sinh vật khác. **B.** Ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm.

 **C.** Chế độ khí hậu, nước, ánh sáng. **D.** Các sinh vật khác và ánh sáng.

**Câu 12.** Không dùng con lai kinh tế để làm giống vì

 **A.** chưa mang tính chất làm giống.

 **B.** con lai có tính di truyền không ổn định.

 **C.** đồng hóa quá mạnh tiêu tốn nhiều thức ăn.

 **D.** tiềm ẩn nhiều dị tật bẩm sinh.

**Câu 13.** Để có đủ cây trồng trong một thời gian ngắn đáp ứng yêu cầu sản xuất, người ta tách bộ phận nào của cây để nuôi cấy trên môi trường dinh dưỡng đặt trong ống nghiệm?

 **A.** Mô sẹo và tế bào rễ. **B.** Mô phân sinh.

 **C.** Mô. **D.** Tế bào rễ.

**Câu 14.** Trong công nghệ gen, người ta thường sử dụng vi khuẩn E.coli và nấm men làm tế bào nhận vì chúng có ưu điểm

 **A.** có khả năng lên men cao. **B.** kích thước cơ thể nhỏ.

 **C.** dễ nuôi cấy, khả năng sinh sản cao. **D.** thích nghi với mọi loại môi trường.

**Câu 15.** Giun đũa sống trong môi trường nào dưới đây?

 **A.** Môi trường trong đất. **B.** Môi trường trên cạn.

 **C.** Môi trường nước. **D.** Môi trường sinh vật.

**Câu 16.** Yếu tố ánh sáng thuộc nhóm nhân tố sinh thái

 **A.** vô cơ. **B.** vô sinh. **C.** hữu cơ. **D.** hữu sinh.

**Câu 17.** Trong công nghệ tế bào thực vật, phương pháp có sử dụng hóa chất cônsixin là

 **A.** nuôi cấy mô tế bào và lai tế bào sinh dưỡng.

 **B.** nuôi cấy mô tế bào và nuôi cấy hạt phấn.

 **C.** nuôi cấy hạt phấn và lai tế bào sinh dưỡng.

 **D.** nuôi cấy tế bào sinh dưỡng.

**Câu 18.** Yếu tố nào là nhân tố hữu sinh?

 **A.** Con người và các sinh vật khác. **B.** Chế độ khí hậu, nước, ánh sáng.

 **C.** Các sinh vật khác và ánh sáng. **D.** Ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm.

**Câu 19.** Trong tự nhiên, nhân tố sinh thái tác động đến sinh vật

 **A.** một cách độc lập với tác động của các nhân tố sinh thái khác nhau.

 **B.** trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố sinh thái khác.

 **C.** trong mỗi quan hệ với tác động của các nhân tố vô sinh.

 **D.** trong mỗi quan hệ với tác động của các nhân tố hữu sinh.

**Câu 20.** Rận và bét sống bám trên da trâu, bò. Giữa chúng và trâu, bò có mối quan hệ

 **A.** cộng sinh. **B.** cạnh tranh.

 **C.** kí sinh. **D.** sinh vật này ăn sinh vật khác.

**Câu 21.** Loại cây nào là cây ưa bóng?

 **A.** Dưa chuột. **B.** Phượng vĩ. **C.** Me đất. **D.** Xương rồng.

**Câu 22.** Vai trò quan trọng nhất của ánh sáng đối với động vật là

 **A.** kiếm mồi. **B.** sinh sản.

 **C.** nhận biết các vật. **D.** định hướng di chuyển.

**Câu 23.** Trong công nghệ tế bào, người ta dùng tác nhân nào để kích thích mô sẹo phân hóa thành cơ quan hoặc cơ thể hoàn chỉnh?

 **A.** Xung điện. **B.** Tia X.

 **C.** Tia tử ngoại. **D.** Hoocmôn sinh trưởng.

**Câu 24.** Loài sinh vật có khả năng chịu lạnh tốt nhất là

 **A.** ấu trùng cá. **B.** ấu trùng sâu ngô. **C.** trứng ếch. **D.** gấu bắc cực

**Câu 25.** Nếu ánh sáng tác động vào cây xanh từ một phía nhất định, sau một thời gian cây mọc như thế nào?

 **A.** Ngọn cây sẽ mọc cong về phía có nguồn sáng. **B.** Cây vẫn mọc thẳng.

 **C.** Cây luôn hướng về phía có nguồn sáng. **D.** Ngọn cây rũ xuống.

**Câu 26.** Cây sống ở nơi quang đãng có đặc điểm

 **A.** phiến lá nhỏ, hẹp, màu xanh nhạt. **B.** phần lớn là các cây thân thảo.

 **C.** chiều cao của cây bị hạn chế. **D.** chủ yếu là cây rễ chùm.

**Câu 27.** Nhóm các loài sinh vật biến nhiệt là

 **A.** thực vật, cá, ếch, nhái, bò sát.

 **B.** cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú, con người.

 **C.** động vật, thực vật, con người.

 **D.** vi sinh vật, nấm, thực vật, động vật.

**Câu 28.** Ở nhiệt độ quá cao (cao hơn 40°C) hay quá thấp (0°C) các hoạt động sống của hầu hết các loại cây xanh diễn ra như thế nào?

 **A.** Quang hợp tăng - hô hấp tăng.

 **B.** Quang hợp giảm - hô hấp tăng.

 **C.** Quang hợp giảm thiểu và ngưng trệ, hô hấp ngưng trệ.

 **D.** Các hạt diệp lục được hình thành nhiều.

**Câu 29.** Các loài ong có thể bay xa hàng chục kilomet để kiếm mật hoa. Nhân tố nào giúp các loài ong này định hướng di chuyển trong không gian?

 **A.** Nhiệt độ **B.** Độ ẩm **C.** Không khí **D.** Ánh sáng

**Câu 30.** Cây sống ở nơi ẩm ướt, thiếu ánh sáng như ở dưới tán rừng, ven bờ suối thường có đặc điểm nào sau đây?

 **A.** Phiến lá dày, bản lá rộng, màu lá nhạt

 **B.** Phiến lá dày, bản lá hẹp, màu lá nhạt.

 **C.** Phiến lá mỏng, bản lá rộng, màu lá sẫm.

 **D.** Phiến lá mỏng, bản lá hẹp, màu lá nhạt.

**Câu 31.** Cây sống ở nơi khô hạn có đặc điểm

 **A.** phiến lá mỏng. **B.** cơ thể mọng nước.

 **C.** mô giậu phát triển. **D.** bản lá rộng.

**Câu 32.** Hiện tượng các cá thể tách ra khỏi nhóm dẫn đến kết quả

 **A.** tạo điều kiện cho các cá thể hỗ trợ nhau tìm mồi có hiệu quả hơn.

 **B.** hạn chế sự cạnh tranh giữa các cá thể.

 **C.** làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.

 **D.** làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng.

**Câu 33.** Giữa các cá thể cùng loài, sống trong cùng một khu vực có các mối quan hệ là

 **A.** quan hệ cạnh tranh và quan hệ ức chế.

 **B.** quan hệ cạnh tranh và quan hệ đối địch.

 **C.** quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh.

 **D.** quan hệ hỗ trợ và quan hệ đối địch.

**Câu 34.** Đặc điểm cấu tạo của động vật vùng hoang mạc giúp chúng giữ nhiệt cho cơ thể chống rét là

 **A.** cơ thể có lông dày và dài hơn (ở thú có lông).

 **B.** đệm thịt dưới chân dày.

 **C.** có chi dài hơn.

 **D.** chân có móng rộng.

**Câu 35.** Mối quan hệ kí sinh và mối quan hệ sinh vật này ăn sinh vật khác giống nhau ở đặc điểm

 **A.** loài bị hại luôn có số lượng cá thể nhiều hơn loài có lợi.

 **B.** đều là mối quan hệ đối địch giữa hai loài.

 **C.** loài bị hại có kích thước cơ thể lớn hơn loài có lợi.

 **D.** đều làm chết các cá thể loài bị hại.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ban giám hiệu** *Ký duyệt***Lê Thị Ngọc Anh** | **Tổ/nhóm chuyên môn***Ký duyệt***Khổng Thu Trang** | **Người lập****Nguyễn Thị Thành Mơ** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học 2023 – 2024** | **NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HKII****MÔN: LỊCH SỬ 9** |

**I. NỘI DUNG ÔN TẬP**

**Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến cách mạng tháng Tám năm 1945.**

- Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925.

- Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

- Cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam: các cao trào cách mạng và cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

**II.** **CẤU TRÚC ĐỀ:** 70% Trắc nghiệm khách quan (20 câu), 30% tự luận.

**III. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1:** Lập bảng thống kê những hoạt động chính của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925. Nêu ý nghĩa của những hoạt động đó.

**Câu 2:** Trình bày sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 3:** Nêu ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng.

**Câu 4:** Đường lối lãnh đạo của Đảng và hình thức đấu tranh trong giai đoạn 1936 – 1939 có gì khác so với giai đoạn 1930 – 1931?

**Câu 5:** Nêu ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945.

**BGH TỔ/NHÓM CHUYÊN MÔN**

 **Lê Thị Ngọc Anh Nguyễn Thị Thu Huyền**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học 2023 – 2024** | **HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA KÌ II****MÔN: LỊCH SỬ 9** |

**Câu 1:** Lập bảng thống kê những hoạt động chính của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925. Nêu ý nghĩa của những hoạt động đó.

**GỢI Ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Địa điểm, thời gian** | **Hoạt động chính** | **Ý nghĩa** |
| **Ở Pháp****(1917 – 1923)** | Hội nghị Véc-xai (18/6/1919) | Gửi tới hội nghị Bản yêu sách của nhân dân An Nam đòi quyền tự do, dân chủ, bình đẳng và tự quyết. | Gây tiếng vang lớn đối với nhân dân VN, nhân dân Pháp và nhân dân các thuộc địa của Pháp. |
| 7/1920 | Đọc Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa | Từ đó, Người tin theo Lê-nin, đứng về Quốc tế thứ ba. |
| Đại hội Tua (12/1920) | Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ 3 và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp | Đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động cách mạng của Người: CN yêu nước 🡪CN Mác – Lê-nin + CMVS |
| 1921 | Sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa | Đoàn kết các lực lượng cách mạng chống CN thực dân, truyền bá CN Mác – Lê-nin  |
|  | Chủ nhiệm báo Người cùng khổ và viết bài cho nhiều báo khác. | Vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của CNĐQ, thức tỉnh các dân tộc thuộc địa nổi dậy đấu tranh tự giải phóng |
| **Ở Liên Xô****(1923 - 1924)** | 6/1923 | Dự Hội nghị Quốc tế nông dân và được bầu vào Ban chấp hành |  |
| 1924  | Tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản, trình bày quan điểm, lập trường của mình về cách mạng ở các nước thuộc địa. |  |
|  | Truyền bá CN Mác – Lê-nin về cách mạng giải phóng thuộc địa và CMVS vào nước ta. | Là bước chuẩn bị quan trọng về chính trị và tư tưởng cho sự thành lập chính đảng vô sản ở VN sau này. |
| **Ở Trung Quốc****(1924 - 1925)** | 6/1925, tại Quảng Châu | Thành lập Hội VN Cách mạng Thanh niên. Báo Thanh niên làm cơ quan ngôn luận của hội. Cộng sản đoàn làm nòng cốt. | Đào tạo cán bộ cách mạng, tuyên truyền CN Mác - Lênin |
|  | Trực tiếp đào tạo cán bộ CM |

🡺 Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài có ý nghĩa chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở VN.

**Câu 2:**

**a. Trình bày sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.**

***\* Hoàn cảnh lịch sử:***

- Ba tổ chức cộng sản ra đời lại hoạt động riêng rẽ, công kích, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, không có lợi cho phong trào cách mạng.

- Yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Namlà phải có một chính đảng thống nhất trong cả nước.

- Quốc tế Cộng sản đã ủy nhiệm cho Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

- Hội nghị đã họp từ (ngày [6 tháng 1](http://vi.wikipedia.org/wiki/6_th%C3%A1ng_1) năm [1930](http://vi.wikipedia.org/wiki/1930) đến ngày [8 tháng 2](http://vi.wikipedia.org/wiki/8_th%C3%A1ng_2) năm 1930), tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc).

***\* Nội dung Hội nghị:***

- Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Thông qua Chính cương, Sách lược và Điều lệ (vắn tắt) của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Nội dung của chính cương, sách lược vắn tắt: (Đó là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam. Mang tính chất dân tộc và giai cấp sâu sắc 🡪 ***Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH***).

***\* Ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng:***

- Hội nghị có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng. (Sau này, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) đã quyết định lấy ngày 3 - 2 hằng năm làm ngày kỉ niệm thành lập Đảng).

**Câu 3: Nêu ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng.**

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở VN; là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước VN.

- Là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, khẳng định giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng, chấm dứt khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo cách mạng.

- Từ đây cách mạng Việt Nam đã trở thành bộ phận của cách mạng thế giới.

- Là sự chuẩn bị có tính tất yếu, quyết định những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng VN.

**Câu 4: Đường lối lãnh đạo của Đảng và hình thức đấu tranh trong giai đoạn 1936 – 1939 có gì khác so với giai đoạn 1930 – 1931?**

**BẢNG SO SÁNH PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931 và 1936-1939**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **1930-1931** | **1936-1939** |
| ***Kẻ thù***  | Đế quốc, phong kiến | Thực dân phản động P không chịu thi hành chính sách của chính phủ MTND/P ở thuộc địa và bọn PK phản động. |
| ***Nhiệm vụ*** | - Chống ĐQ 🡪 giành độc lập.- Chống PK giành ruộng đất cho ND. | Chống phát xít, chiến tranh, đòi “ tự do,dân chủ, cơm áo, hòa bình”. |
| ***Mặt trận*** | - Chưa có MT.- Đảng chủ trương thành lập Hội phản đế đồng minh ĐD ( chưa thực hiện được). | Mặt trận Nhân dân phản đế ĐD (1936) sau đổi thành MT Dân chủ ĐD (1938) |
| ***Hình thức,*** ***phương pháp,*** ***đấu tranh*** | Bí mật, hợp pháp, bạo động vũ trang | Công khai, nửa công khai kết hợp với bí mậtHình thức phong phú. + ĐD đại hội + Phong trào đấu tranh công khai, mít tinh, biểu tình của quần chúng. + Đấu tranh báo chí công khai + Đấu tranh nghị trường  |

**Câu 5:** Nêu ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945.

***a. Ý nghĩa:***

*- Đối với dân tộc:*

+ Là sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc: Phá tan hai xiềng xích nô lệ Nhật - Pháp, lật đổ ngai vàng phong kiến, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

+ Đưa nước ta trở thành một nước độc lập, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người dân của nước độc lập, tự do, làm chủ nước nhà.

+ Mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc ta - kỉ nguyên độc lập, tự do.

*-* *Đối với thế giới:*

+ Cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc.

+ Góp phần củng cố hòa bình ở khu vực Đông Nam Á nói riêng, trên toàn thế giới nói chung.

***b. Nguyên nhân thành công:***

- Dân tộc có truyền thống yêu nước sâu sắc, khi có Đảng Cộng sản Đông dương và Mặt trận Việt Minh phất cao ngọn cờ cứu nước thì được mọi người hưởng ứng.

- Tình đoàn kết của tất cả các tầng lớp, các giai cấp trong xã hội (đặc biệt là khối liên minh công - nông) trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi.

- Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, Liên Xô và các nước Đồng minh đã đánh bại phát xít Nhật.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THANH AM** **NĂM HỌC 2023 - 2024** |  |

**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: THỂ DỤC**

**KHỐI 9**

 **I. Nội dung ôn tập.**

 - Kĩ thuật nhảy cao kiểu “Bước qua”.

 **II. Yêu cầu.**

 - Học sinh biết cách phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu “Bước qua”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BAN GIÁM HIỆU****Trần Thị Thanh Hà** | **TỔ CHUYÊN MÔN** **Nguyễn Thị Hiền** |  **NGƯỜI LẬP** **Nguyễn Công Ánh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM** | **HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II****NĂM HỌC 2023-2024****MÔN: GDCD KHỐI 9** |

**A. Phạm vi ôn tập**

**I. Nội dung kiến thức:**

- Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân.

- Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.

- Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

- Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân.

**II. Các dạng câu hỏi:**  Câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

**B. Cấu trúc đề kiểm tra: 100% trắc nghiệm.**

**Trắc nghiệm:** gồm 40 câu hỏi. Mỗi câu 0.25 điểm

**C. Một số câu hỏi tham khảo: Câu hỏi trắc nghiệm**

***Câu* *1****:* ***Biểu hiện nào không phải của tình yêu chân chính:***

A. là sự quyến luyến của 2 người khác giới. B. sự đồng cảm giữa 2 người.

C. ghen tuông mù quáng D.vị tha, nhân ái, chung thủy.

***Câu* *2: Tuổi kết hôn quy định của nhà nước ta đối với nữ giới từ đủ:***

A. 17 tuổi B. 18 tuổi C. 19 tuổi D. 20 tuổi

***Câu* *3: Tuổi kết hôn quy định của nhà nước ta đối với nam giới từ đủ:***

A. 17 tuổi B. 18 tuổi C. 19 tuổi D. 20 tuổi

***Câu* *4: Công dân đi đăng ký kết hôn ở cơ quan:***

A. Ủy ban nhân dân xã ( phường) B. Ủy ban nhân dân quận ( huyện)

C. Tòa án nhân dân. D. Trước bàn thờ gia tiên.

***Câu* *5: Pháp luật nước ta quy định người không được phép kết hôn:***

A. người già B. người theo tôn giáo.

C. người mất năng lực hành vi dân sự. D. người dưới 20 tuổi

***Câu* *6: Tảo hôn là việc kết hôn với người:***

A. bằng tuổi với mình B. ít tuổi hơn

C. cùng giới tính D. chưa đủ tuổi kết hôn.

***Câu 7: Để xây dựng gia đình hạnh phúc, việc kết hôn phải dựa trên cơ sở:***

A. tình yêu chân chính và sự tự nguyện của hai bên.

B. do cham mẹ hai bên lựa chọn và quyết định.

C. sự môn đăng hộ đối của hai bên gia đình.

D.chung sống trước khi cưới ( sống thử) và rút ra kinh nghiệm.

***Câu 8: Sự bình đẳng giữa vợ và chồng trong gia đình là:***

A. vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt.

B. trong gia đình chồng là người quyết định mọi người.

C. trong gia đình chồng quyết định các việc lớn, vợ quyết định các việc vặt hàng ngày.

D. ai kiếm được nhiều tiền hơn, người đó có quyền quyết định mọi việc trong gia đình.

***Câu 9: Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, những người không được kết hôn với nhau là:***

A. công dân Việt Nam với người nước ngoài. B. những người theo các tôn giáo khác nhau.

C. những người đang có vợ, chồng. D. giữa người theo tôn giáo và không theo tôn giáo.

***Câu 10: Theo quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2014, một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là: “Hôn nhân..., một vợ, một chồng, vợ chồng bình đẳng” Phương án điền vào chỗ trống là:***

A. bình đẳng, tự nguyện B. tự nguyện, tiến bộ

C. tự nguyện thỏa thuận D. tự do ý chí.

***Câu 11: Câu ca dao, tục ngữ thể hiện sự nhường nhịn của vợ, chồng trong hôn nhân:***

A. Thuận vợ, thuận chồng tát bể Đông cũng cạn.

B. Chồng giận thì vợ bớt lời

Cơm sôi bớt lửa chẳng đời nào khê.

C. Mảnh chồng quan hơn đàn chồng dân.

D. Chồng tôi áo rách tôi thương

Chồng người áo gấm xông hương mặc người.

***Câu 12: B mới 16 tuổi nhưng mẹ B đã ép gả B cho một người nhà giàu ở xã bên. B không đồng ý thì bị mẹ đánh và cứ tổ chức cưới, bắt B về nhà chồng. Theo em, mẹ B đã vi phạm điều bao nhiêu trong Luật hôn nhân gia đình năm 2014?***

A. Điều 4 B. Điều 5 C. Điều 6 D. Điều 7
***Câu 13: Anh A và chị B cưới nhau được một năm, anh A thường xuyên đánh vợ thâm tím mặt với bất cứ lý do gì. Theo em, anh A đã có hành vi:***

A. ghen tuông mù quáng. B. kết hôn giả tạo

C. bạo lực gia đình D. cưỡng ép hôn nhân.

***Câu 14: Pháp luật không nghiêm cấm kết hôn trong trường hợp:***

A. những người cùng dòng máu trực hệ B. những người có họ trong phạm vi ba đời.

C. giữa cha mẹ nuôi với con nuôi D. nam, nữ tự nguyện và đủ tuổi.

***Câu 15: Anh H và chị B đều 25 tuổi, chuẩn bị kết hôn. Gia đình chị B yêu cầu gia đình anh H đưa phong bì 20 triệu đồng trong ngày ăn hỏi. Gia đình anh H không đồng ý. Theo em, gia đình chị B đã vi phạm luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là:***

A. cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ B. cưỡng ép hôn nhân

C. yêu sách của cải trong việc cưới hỏi D. lừa dối để kết hôn

***Câu 16: Chị M được gia đình anh K nhờ mang thai hộ vì gia đình anh K không thể sinh con tự nhiên.Chị M đồng ý. Nhưng khi sinh đứa trẻ chị M lại bán cho một gia đình khác lấy tiền. Theo em, chị M đã vi phạm điều trong luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là:***

A. thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại

B. mang thai hộ vì mục đích thương mại.

C. lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để mua bán người

D.yêu sách của cải trong hôn nhân

***Câu 17: Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải thực hiện thủ tục nào của pháp luật ?***

A. cưới lại B. đăng ký kết hôn C. tự nguyện D. ly hôn

***Câu 18: Biểu hiện không phải tình nghĩa vợ chồng trong hôn nhân là:***

A. có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy

B. tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau

C. cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

D. mắng chửi nhau khi làm việc gì đó chưa đúng.

***Câu 19: T độc thân là sinh viên đại học năm cuối đi thực tập ở 1 công ty. T gặp, yêu anh N và chung sống như vợ chồng với anh N dù biết anh N đã có vợ con ở quê. Theo em, T đã vi phạm luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc:***

A. người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác

B. người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ.

C. lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để bóc lột sức lao động.

D. kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ.

***Câu 20: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm:***

A. 19/6/2013 B. 19/6/2014 C. 1/1/2014 D. 1/1/2015

**Câu 21:** Hành vi kinh doanh hợp pháp là:

A. có giấy phép kinh doanh, đóng thuế đầy đủ. B. trốn thuế , kinh doanh bất hợp pháp

C. lấn chiếm vỉa hè để kinh doanh D. lấy hàng hóa không đảm bảo yêu cầu.

**Câu 22:** **Hoạt động sản xuất, dịch vụ và trao đổi hàng hóa nhằm mục đích thu lợi nhuận là nội dung của khái niệm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. kinh tế | B. kinh doanh | C. đầu tư | D. thương mại |

**Câu 23 Phần thu nhập mà công dân và các tổ chức kinh tế có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước để chi tiêu cho những công việc chung được gọi là**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. thuế | B. tiền công | C. tiền lương | D. lãi suất |

**Câu 24:** **Người sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm thì bị phạt tù:**

A. Từ 1 – 2 năm. B. Từ 2 – 3 năm. C. Từ 2 – 5 năm. D. Từ 2 – 7 năm.

**Câu 25:** **Cửa hàng D bán thuốc chữa bệnh cho người dân thấy có nhân viên tiếp thị tại 1 nơi khác đến tiếp thị thuốc giả nhưng mẫu mã như thuốc thật, thấy vậy bà chủ cửa hàng D đã mua số thuốc giả đó về bán cho người dân nhằm thu lợi nhuận cao. Nếu bị cơ quan chức năng phát hiện, người dân tố cáo thì chủ cửa hàng D bị phạt:**

A. Từ 1 – 5 năm. B. Từ 2 – 3 năm. C. Từ 2 – 4 năm. D. Từ 2 – 7 năm.

**Câu 26:** **Trong các loại mặt hàng sau, mặt hàng nào phải đóng thuế nhiều nhất là:**

A. thuốc lá điếu. B. xăng. C. nước sạch. D. phân bón.

**Câu 27:** **Các sản phẩm: giống vật nuôi, giống cây trồng mất thuế là:**

A. 5%. B. 7%. C. 9%. D. Không mất thuế.

**Câu 28: Quyền lao động là:**

|  |
| --- |
| A. sử dụng đất. B. sở hữu tài sản |
| C. được thành lập công ti, doanh nghiệp. D. tôn trọng tài sản của người khác. |

**Câu 29: Nhà nước không cấm kinh doanh mặt hàng:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. thuốc phiện | B. súng ngắn |
| C. pháo nổ | D. quần áo thời trang. |

**Câu 30: Chị M mở cửa hàng cắt tóc gội đầu và có đăng ký giấy phép kinh doanh, đóng thuế hàng tháng. Gần đây nhiều khách hàng đến cửa hàng có nhu cầu cao về các dịch vụ làm đẹp như xăm môi, nâng mũi… nên chị M đã quyết định đi học nghề để làm thêm các dịch vụ đó. Trong trường hợp này chị M:**

|  |
| --- |
| A. không được phép mở thêm dịch vụ vì giấy phép chỉ cho phép kinh doanh cắt tóc, gội đầu. |
| B. được tự do mở thêm dịch vụ mà không cần đăng kí giấy phép kinh doanh nữa. |
| C. có thể mở thêm dịch vụ nhưng cần đăng kí lại giấy phép kinh doanh. |
| D. được tự do mở thêm dịch vụ vì đó là quyền tự do kinh doanh của công dân. |

**Câu 31: Việc Nhà nước tạo mọi điều kiện cho công dân buôn bán để phát triển kinh tế theo đúng quy định của pháp luật thể hiện quyền:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. tự do ngôn luận | B. tự do kinh doanh. |
| C. sở hữu tài sản. | D. tham gia quản lí Nhà nước. |

**Câu 32: Ông K mở cửa hàng và đăng kí kinh doanh với mặt hàng vật liệu xây dựng nhưng ông còn kinh doanh thêm mặt hàng hải sản đông lạnh. Hàng tháng ông chỉ nộp thuế đầy đủ với mặt hàng vật liệu xây dựng. Hành vi của ông K đã vi phạm quy định của Nhà nước về:**

|  |
| --- |
| A. đăng kí và đóng thuế các mặt hàng kinh doanh. B. mặt hàng kinh doanh. |
| C. quyền công dân trong kinh doanh. D. đạo đức trong kinh doanh. |

**Câu 33: Người sử dụng lao động vi phạm pháp luật khi**

A. xử lí kỉ luật người vi phạm kỉ luật.

B. không kí hợp đồng lao động khi hết hạn hợp đồng.

C. tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ.

D. thuê trẻ em 13 tuổi làm việc nặng nhọc, độc hại.

**Câu 34: Sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động được gọi la:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. thoả thuận lao động. | B. hợp đồng thuê mướn. |
| C. hợp đồng lao động. | D. thoả ước lao động tập thể. |

**Câu 35: Nhà nước cấm kinh doanh mặt hàng:**

A. đỗ gỗ, mĩ nghệ B. gốm sứ Bát Tràng C. thuốc nổ, vũ khí D. lụa tơ tằm Hà Đông.

**Câu 36: Hành vi của người lao động là vi phạm pháp luật lao động:**

|  |
| --- |
| A. thuê trẻ em dưới 15 tuổi vào làm việc B. tự ý đuổi việc người lao động khi chưa hết hạn hợp đồng lao động. |
| C. không trả đủ tiền công theo thỏa thuận D. tự ý nghỉ việc không có lí do. |

**Câu 37:** **Anh Hoà 20 tuổi, có sức khoẻ bình thường nhưng lười lao động, chỉ thích ăn chơi, đua đòi, luôn sống dựa dẫm, ỷ lại vào cha mẹ. Trong trường hợp này , anh Hoà đã**

|  |
| --- |
| A. không thực hiện đúng quy định của pháp luật. B. vi phạm pháp luật về lao động. |
| C. vi phạm quyền lao động. D. không thực hiện đúng nghĩa vụ lao động của công dân. |

**Câu 38:** **Bà An nhận em H 14 tuổi vào làm việc tại xưởng sản xuất và bắt em làm những công việc nặng nhọc. Bà An đã vi phạm quy định của luật lao động là:**

A. nhận trẻ em chưa đủ tuổi vào làm việc

B. quyền được thuê mướn lao động

C. giúp đỡ trẻ em cơ nhỡ, có hoàn cảnh khó khăn.

D. trẻ em cũng phải có nghĩa vụ lao động để giúp đỡ gia đình

**Câu 39: M đang là học sinh lớp 9, gia đình M thấy gia đình anh T xóm bên giàu có và đang có ý định lấy vợ nên bố mẹ M đã ép bạn nghỉ học để gả cho anh T. M nên chọn cách ứng xử:**

A. bỏ nhà ra đi. B. tuân theo quyết định của bố mẹ.

C. nhịn ăn để phản đối bố mẹ. D. nhờ sự giúp đỡ của thầy cô và người thân.

**Câu 40:** **Việc làm vi phạm của người sử dụng lao động là:**

A.đảm bảo an toàn cho người lao động. B. kéo dài thời gian thử việc.

C. trả công cho người lao động đúng quy định. D. kí hợp đồng với người lao động.

**Câu 41: Vi phạm pháp luật dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới:**

A. các quan hệ công vụ và nhân thân. B. các quy tắc quản lí nhà nước.

C. các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. D. các quan hệ lao động, công vụ nhà nước.

**Câu 42: Nghĩa vụ mà các cá nhân, cơ quan, tổ chức vi phạm pháp luật phải chấp hành những biện pháp bắt buộc do Nhà nước quy định được gọi là:**

A. Trách nhiệm pháp lí B. Vi phạm pháp luật.

C. Trách nhiệm gia đình D. Vi phạm đạo đức.

**Câu 43: “Tội phạm” là người có hành vi vi phạm:**

A. Pháp luật dân sự B. Pháp luật hành chính.

C. Pháp luật hình sự D. Vi phạm kỉ luật.

**Câu 44: Người phải chịu trách nhiệm hành chính do mọi vi phạm hành chính mà mình gây ra theo quy định của pháp luật có độ tuổi là:**

A. Từ đủ 18 tuổi trở lên. B. Từ 18 tuổi trở lên.

C. Từ đủ 16 tuổi trở lên. D. Từ đủ 14 tuổi trở lên.

**Câu 45: Hành vi vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, bị coi là tội phạm là hành vi vi phạm pháp luật:**

A. Hình sự  B. Hành chính C. Dân sự D. Kỉ luật

**Câu 46: Vi phạm pháp luật hành chính là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm**

A. Quan hệ sở hữu tài sản. B. Quyền sở hữu công nghiệp.

C. Các quy tắc quản lí của Nhà nước. D. Các quan hệ lao động, công vụ nhà nước.

**Câu 47: Hành vi trải pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm hại đên các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ là khái niệm**

A. Vi phạm kỉ luật B. Vi phạm pháp luật.

C. Vi phạm nội quy D. Vi phạm điều lệ.

**Câu 48: Hành vi nào dưới đây phải chịu trách nhiệm hình sự?**

A. Cố ý lây truyền HIV cho người khác. B. Lái xe máy đi ngược đường một chiều.

C. Không thực hiện chia tài sản theo di chúc. D. Xả chất thải chưa qua xử lí ra môi trường.

**Câu 49: Người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra có độ tuổi theo quy định của pháp luật là:**

A. Từ đủ 14 tuổi trở lên. B. Từ đủ 16 tuổi trở lên.

C. Từ 18 tuổi trở lên. D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

**Câu 50: Cơ quan nào dưới đây có quyền tuyên phạt đối với người phạm tội?**

A. Quốc hội B. Chính phủ C. Viện Kiểm sát  D. Tòa án.

**Câu 51: Thực hiện trách nhiệm pháp lý đối với người từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi là**

A. Giáo dục, răn đe là chính. B. Có thể bị phạt tù.

C. Buộc phải cách li với xã hội . D. Chủ yếu là đưa ra lời khuyên.

**Câu 52: Người phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật có độ tuổi từ đủ**

A. 14 tuổi trở lên B. 15 tuổi trở lên. C. 16 tuổi trở lên D. 18 tuổi trở lên.

**Câu 53: Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý là**

A. Hành vi vi phạm pháp luật. B. Tính chất phạm tội.

C. Mức độ gây thiệt hại của hành vi. D. Khả năng nhận thức của chủ thể.

**Câu 54 :  Ông T xây nhà cao tầng không có giấy phép và đem đổ phế thải xây dựng xuống cống thoát nước. Theo em, ông T sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lí nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Trách nhiệm hành chính. | B. Trách nhiệm hình sự |
| C. Trách nhiệm dân sự | D. Trách nhiệm kỉ luật |

**Câu 55: Trường hợp nào *không* phải chịu trách nhiệm pháp lí về hành vi của mình?**

|  |
| --- |
| A. K lái xe uống rượu, không làm chủ được tay lái đã đâm vào xe máy của người đi đường. |
| B. N là bệnh nhân tâm thần, khi lên cơn đã đập phá nhiều tài sản quý của bệnh viện. |
| C. M thực hiện không đúng các quy định trong hợp đồng thuê nhà. |
| D. Anh C đi làm trễ 15 phút vì ngủ dậy muộn. |

**Câu 56: Hành vi vi phạm các quy tắc, quy chế được xác lập trong một tổ chức, cơ quan, đơn vị là:**

A. Vi phạm hành chính. B. Vi phạm dân sự. C. Vi phạm kỷ luật. D. Vi phạm hình sự.

**Câu 57: P 15 tuổi chơi với một nhóm bạn xấu, có hôm P cùng nhóm bạn này lấy trộm xe máy của hàng xóm. Hành vi của P**

A. Vi phạm pháp luật dân sự.

C. Không phải chịu trách nhiệm pháp lí vì chưa đủ tuổi.

B. Vi phạm pháp luật hành chính và pháp luật hình sự...

D. Không bị coi là vi phạm pháp luật vì đang là học sinh.

**Câu 58: Hành vi xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước mà không phải là tội phạm thuộc nội dung khái niệm vi phạm pháp luật:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Hành chính | B. Dân sự | C. Hình sự | D. Vi phạm kỉ luật |

**Câu 59: Bà H vay tiền của chị N đã quá hạn, dây dưa không chịu trả đã vi phạm pháp luật**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Hình sự | B. Hành chính | C. Dân sự | D. Kỉ luật |

**Câu 60: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về :**

|  |  |
| --- | --- |
| A. mọi tội phạm | B. tội phạm nghiêm trọng do vô ý |
| C. tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. | D. tội phạm do lỗi cố ý. |

 NHÓM CM TỔ CM BAN GIÁM HIỆU

**Hoàng Thị Lệ** **Nguyễn Thị Hồng Nhung Trần Thị Thanh Hà**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM** | **HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II****NĂM HỌC 2023-2024****MÔN: GDCD KHỐI 9** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | C | 11 | B | 21 | A | 31 | B | 41 | C | 51 | A |
| 2 | B | 12 | B | 22 | B | 32 | A | 42 | A | 52 | C |
| 3 | D | 13 | C | 23 | A | 33 | D | 43 | C | 53 | A |
| 4 | A | 14 | D | 24 | C | 34 | C | 44 | C | 54 | A |
| 5 | C | 15 | C | 25 | D | 35 | C | 45 | A | 55 | B |
| 6 | D | 16 | B | 26 | A | 36 | D | 46 | D | 56 | C |
| 7 | A | 17 | B | 27 | D | 37 | D | 47 | B | 57 | A |
| 8 | A | 18 | D | 28 | C | 38 | A | 48 | A | 58 | A |
| 9 | C | 19 | B | 29 | D | 39 | D | 49 | B | 59 | A |
| 10 | B | 20 | D | 30 | C | 40 | B | 50 | D | 60 | C |

 NHÓM CM TỔ CM BAN GIÁM HIỆU

**Hoàng Thị Lệ** **Nguyễn Thị Hồng Nhung Trần Thị Thanh Hà**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THANH AM** |  **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II** **Năm học 2023-2024** **Môn: Âm nhạc 9** |

**I. Ôn tập bài hát:**

- Bài hát *Bóng dáng một ngôi trường*

- Bài hát *Nụ cười*

**II. Ôn tập: tập đọc nhạc.**

- Tập đọc nhạc số 1.

- Tập đọc nhạc số 2.

 **Ban Giám Hiệu Tổ chuyên môn Người lập**

**Lê Thị Ngọc Anh Đỗ Thảo Phương Vũ Thị Huyền Trang**

**TRƯỜNG THCS THANH AM**

 **NĂM HỌC 2023-2024**

**ĐỊNH HƯỚNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN 9**

**A. NỘI DUNG**

**I. VĂN HỌC:** HS thống kê ôn tập các văn bản đã học kì từ đầu học kì II đến thời điểm ôn tập thi.

**1/ Văn bản nhật dụng:**

 - *Bàn về đọc sách-* Chu Quang Tiềm

- *Tiếng nói của văn nghệ*- Nguyễn Đình Thi

\* Nắm vững kiến thức về nội dung, ý nghĩa của các văn bản

**2/ Thơ hiện đại:**

 *- Mùa xuân nho nhỏ-* Thanh Hải

 *- Viếng lăng Bác-* Viễn Phương

 *- Sang thu-* Hữu Thỉnh

\* Nắm vững kiến thức về tác giả và tác phẩm, hoàn cảnh ra đời, học thuộc lòng thơ, hiểu nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản.

\* Giải thích được ý nghĩa nhan đề, tác dụng của các chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

 **II/ TIẾNG VIỆT**

- Các phép liên kết câu

 - Các thành phần biệt lập.

Nhận diện các phương châm hội thoại, từ vựng, sự phát triển của từ vựng và phương thức chuyển nghĩa, biện pháp tu từ, hình thức độc thoại, đối thoại, phát hiện việc sử dụng các phép liên kết câu, thành phần biệt lập trong phần đọc hiểu đồng thời biết sử dụng trong tạo lập văn bản.

**III/ TẬP LÀM VĂN:**

HS nắm vững các kĩ năng tạo lập văn bản vận dụng các phương thức biểu đạt đã được học trong chương trinh Ngữ văn THCS (Tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận)

- Tiến hành các bước tạo lập văn bản đúng mô hình đoạn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp

- Viết đoạn có sử dụng yêu cầu Tiếng Việt.

- Kiểu bài nghị luận xã hội về một sự việc hiện tượng và nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý.

**B. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA**

 - Hình thức kiểm tra: Tự luận (Cấu trúc, dạng câu hỏi như đề thi tuyển sinh vào lớp 10)

 - Thời gian làm bài: 90 phút

**C. MỘT SỐ DẠNG BÀI THAM KHẢO.**

**Bài 1:** Một bài thơ đã học trong chương trình Ngữ Văn lớp 9 có câu thơ cảm nhận mùa thu bằng hương thơm.

a..Em hãy chép chính xác khổ thơ có câu thơ đó. Nêu tên tác giả, tác phẩm và thời gian sáng tác bài thơ.

b**.** Khi chép thuộc lòng khổ thơ trên,một bạn đã viết nhầm từ “***chùng chình***” thành “***bồng bềnh***”. Em hãy chỉ rõ cho bạn thấy việc viết sai từ như vậy đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến ý nghĩa và giá trị hình ảnh thơ.

c.Cách đặt từ ***“ bỗng***” ở đầu câu thơ của tác giả gợi cho ta thấy nhà thơ muốn diễn tả cảm xúc như thế nào khi mùa thu đến.

d. Cho câu chủ đề: “ *Khổ thơ đã diễn tả cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước tín hiệu thu về*.”

Dùng câu trên làm câu chủ đề, em hãy viết tiếp 8-10 câu theo phép lập luận Tổng- phân- hợp.Trong đoạn có sử dụng thành phần tình thái và phép thế. (gạch chân chỉ rõ).

**Bài 2**: Trong bài thơ “***Viếng lăng Bác”*** có đoạn:

 *“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên*

*Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền*

*Vẫn biết trời xanh là mãi mãi*

*Mà sao nghe nhói ở trong tim!...”*

 *(Ngữ văn 9 – tập 2 – NXB GD)*

a. Giới thiệu vài nét về tác giả và hoàn cảnh sáng tác của bài thơ ?

b. Đoạn thơ trên nằm ở phần nào trong bài? Trình bày mạch cảm xúc của bài thơ?

c**.** Chỉ ra hình ảnh ẩn dụ đặc sắc trong đoạn thơ ? Cho biết ngoài hình ảnh đó, trong bài thơ này nhà thơ còn dùng hình ảnh ẩn dụ nào nữa để thể hiện cảm xúc về Bác Hồ. Đó là cảm xúc gì?

d. Dựa vào đoạn thơ đã cho, hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách quy nạp thể hiện rõ niềm xúc động của tác giả. Trong đoạn văn có sử dụng một câu cảm thán và một câu bị động (Gạch chân chỉ rõ).

**Bài 3: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

 *Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một thứ ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi, ánh sáng ấy bấy giờ biến thành của ta, và chiếu tỏa lên mọi việc chúng ta sống, mọi con người chúng ta gặp, làm thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ. Những người nghệ sĩ lớn đem tới được cho cả thời đại họ một cách sống của tâm hồn.*

 (Nguyễn Đình Thi, *Tiếng nói của văn nghệ*)

a. Tìm và phân tích cấu tạo của câu ghép có trong đoạn văn trên

b. Theo em, tại sao mỗi tác phẩm lớn lại rọi được *“vào bên trong chúng ta một thứ ánh sáng riêng”*?

c. Trong cuộc sống hiện đại, một bộ phận không nhỏ giới trẻ có phần hờ hững với việc đọc, tìm hiểu và khám phá vẻ đẹp của các tác phẩm văn chương mà thay vào đó họ tìm đến các trang báo mạng, có khi đọc các loại sách ít giá trị: truyện tranh, tiểu thuyết ngôn tình…

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên?

**Bài 4:**

a.Trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” có sự chuyển đổi đại từ nhân xưng từ "Tôi" ( phần đầu) sang "Ta" (phần sau). Hãy chỉ ra ý nghĩa của sự thay đổi cách xưng hô ấy?

b.Từ niềm say sưa trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước, Thanh Hải ao ước được làm "Một mùa xuân nho nhỏ" dâng hiến cho cuộc đời.

Viết một đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu làm rõ ý kiến trên qua việc phân tích đoạn thơ sau:

 " Ta làm con chim hót....

 ....Dù là khi tóc bạc."

Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép và phép nối để liên kết ( gạch chân dưới câu ghép đó và từ ngữ dùng làm phép nối )

**Bài 5: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

* 1. *Cây dừa xanh toả nhiều tàu*

 *Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng*

 *Thân dừa bạc phếch tháng năm*

*Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao*

* 1. *Đêm hè hoa nở cùng sao*

*Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh*

 *Ai mang nước ngọt, nước lành*

*Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa...*

 (Trích ***Cây dừa*** - Trần Đăng Khoa - Nguồn: https://www.thivien.net)

a. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ gì?

b. Phân tích ý nghĩa của hai biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ (1).

c.Chép lại câu thơ có sử dụng thành phần biệt lập trong khổ (2) và cho biết đó là thành phần biệt lập gì?

d.Tình yêu quê hương, đất nước là một thứ tình cảm thiêng liêng, cao đẹp. Bằng hiểu biết xã hội, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về tình yêu quê hương, đất nước qua đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi.

**BGH Tổ nhóm CM**

 **Vũ Thu Hường**